

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
Đợt 2 2025

(Theo QĐ số 10.25/QĐ-CDCT ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng công thương TPHCM)

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Công nghệ chế tạo máy									
Lớp: Công nghệ chế tạo máy A									
1	2121040015	Nguyễn Trí	Tâm	Nam	05/12/2003	Bình Thuận	105	7,88	Khá
2	2121040009	Châu Hồ Ngọc	Thịnh	Nam	24/07/2003	Cà Mau	105	7,01	Khá
3	2122040012	Nguyễn Lê Quang	Hậu	Nam	02/01/2004	Khánh Hoà	105	7,37	Khá
4	2122040020	Ngô Thị Như	Nguyệt	Nữ	05/03/2004	Long An	105	7,22	Khá
5	2122040025	Nguyễn Lương Công	Tâm	Nam	23/11/2004	Lâm Đồng	105	7,44	Khá
Lớp: Công nghệ chế tạo máy B									
1	2119040045	Nguyễn Phúc	Thịnh	Nam	10/01/2001	Bình Thuận	93	6,56	Khá
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử									
Lớp: Công nghệ KT cơ điện tử									
1	2121140019	Nguyễn Thế	Du	Nam	03/04/2003	Gia Lai	105	7,26	Khá
Lớp: Công nghệ KT cơ điện tử A									
1	2122140002	Đào Văn	Khương	Nam	08/06/2004	Phú Yên	105	7,02	Khá
2	2122140034	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	26/12/2003	Bình Định	106	7,73	Khá
Công nghệ kỹ thuật cơ khí									
Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí A									
1	2120030020	Nguyễn Văn	Phát	Nam	03/10/2002	Bình Định	94	7,13	Khá
2	2121030022	Đỗ Chí	Bảo	Nam	21/05/2003	Đồng Nai	105	7,21	Khá
3	2121030021	Ngô Quang	Huy	Nam	25/06/2003	Gia Lai	105	7,34	Khá
4	2121030011	Lê Anh	Tính	Nam	12/01/2003	Bình Định	105	6,76	Khá
5	2121030012	Trần Văn	Triều	Nam	20/04/2003	Bình Định	106	7,90	Khá
6	2121030017	Trần Quốc	Vương	Nam	26/09/2003	Bình Định	105	6,87	Khá
7	2122030012	Hà Văn	Cường	Nam	21/08/2004	Quảng Ngãi	105	7,35	Khá
8	2122040029	Phạm Quang Phước	Đạt	Nam	02/01/2004	Đồng Nai	105	7,46	Khá
9	2122030026	Đinh Văn	Hoàng	Nam	01/04/2004	Bình Định	105	7,73	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí B									
1	2121030065	Phạm Hồng	Chính	Nam	05/02/2003	Bình Định	105	6,91	Khá
2	2121030151	Nguyễn Văn	Dương	Nam	22/02/2001	Đắk Lắk	105	7,71	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
3	2121030039	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	20/10/2003	Bình Định	105	7,08	Khá
4	2121030153	Lâm Quang	Quý	Nam	23/03/2003	Bạc Liêu	105	6,91	Khá
5	2121030070	Nguyễn Quang	Thịnh	Nam	18/04/2003	Bến Tre	105	6,89	Khá
6	2121030058	Phạm Phước	Vinh	Nam	27/10/2003	Quảng Ngãi	105	6,94	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí C									
1	2120030079	Võ Văn	Huỳnh	Nam	13/12/2002	Long An	92	6,42	Khá
2	2121030087	Lê Văn	Hà	Nam	28/08/2003	Bình Phước	106	6,71	Khá
3	2121030073	Nguyễn Chí	Thân	Nam	04/04/2003	Bình Định	105	7,35	Khá
4	2121030084	Huỳnh Ngọc	Tuấn	Nam	26/10/2003	Ninh Thuận	105	6,46	Khá
5	2121030075	Ngô Triều	Vỹ	Nam	04/11/2003	Đồng Tháp	105	7,12	Khá
6	2122030085	Trần Tuấn	Kiệt	Nam	06/06/2004	Bình Định	105	7,44	Khá
7	2122030233	Nguyễn Xuân	Lộc	Nam	21/02/2004	Bình Phước	105	7,99	Khá
8	2122030087	Huỳnh Quốc	Lợi	Nam	22/01/2004	Ninh Thuận	105	8,00	Giỏi
9	2122170734	Phan Vũ Trường	Sang	Nam	15/10/2004	Tiền Giang	105	7,73	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí D									
1	2119030123	Nguyễn Hoàng	Quân	Nam	10/01/2001	Phú Yên	92	6,87	Khá
2	2121030128	Trần Quang	Hải	Nam	07/10/2003	Bình Thuận	105	6,44	Khá
3	2121030140	Trần Trung	Hiếu	Nam	22/09/2003	Đồng Nai	105	7,20	Khá
4	2121030108	Nguyễn Văn Đức	Huy	Nam	15/07/2003	Bình Thuận	105	6,96	Khá
5	2121030148	Nguyễn Vương	Sĩ	Nam	06/03/2003	Bình Định	105	7,49	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí E									
1	2119030137	Trương Thanh	Cần	Nam	01/01/2001	Bình Định	92	7,08	Khá
2	2122030170	Nguyễn Trương	Hoàng	Nam	17/11/2004	Phú Yên	105	7,71	Khá
3	2122030214	Phan Hữu	Hợp	Nam	10/04/2004	Kon Tum	105	7,59	Khá
4	2122030244	Nguyễn Hữu	Lợi	Nam	30/09/2004	Đồng Tháp	105	7,98	Khá
5	2122030139	Hà Thanh	Phong	Nam	02/06/2004	Bình Định	105	8,20	Giỏi
Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí F									
1	2122030251	Nguyễn Châu Thành	Danh	Nam	01/07/2004	Đồng Nai	105	8,17	Giỏi
2	2122030198	Huỳnh Đỗ Duy	Khang	Nam	04/07/2004	Bình Thuận	105	7,08	Khá
3	2122030174	Lê Huỳnh	Khang	Nam	04/12/2004	Tiền Giang	105	7,68	Khá
4	2122030193	Nguyễn Phúc	Lộc	Nam	16/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	105	7,40	Khá
5	2122030177	Trần Phước	Lộc	Nam	26/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	105	8,23	Giỏi
6	2122030190	Phan Văn	Minh	Nam	28/02/2004	Tây Ninh	105	8,48	Giỏi
Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí G									
1	2122030003	Trần Tấn	Tài	Nam	08/11/2003	Long An	105	6,81	Khá
2	2122030021	Trương Minh	Tiên	Nam	02/10/2004	Bình Định	105	7,21	Khá
3	2122030262	Trần Nam	Tiến	Nam	23/08/2004	Gia Lai	105	7,76	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
4	2122030041	Phan Văn	Trang	Nam	02/02/2004	Bình Định	105	7,19	Khá
5	2122030063	Thái Quốc	Tuấn	Nam	17/11/2004	Bình Định	105	7,35	Khá
6	2122030053	Ninh Quan	Viên	Nam	24/12/2004	Ninh Thuận	105	6,90	Khá
7	2122030024	Huỳnh Tấn	Vũ	Nam	13/08/2004	Bình Định	105	7,02	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí H									
1	2122140048	Trần Đình	Thắng	Nam	13/02/2004	Kiên Giang	105	7,57	Khá
2	2122030143	Nguyễn Chí	Thông	Nam	19/04/2004	Phú Yên	105	6,91	Khá
3	2122030259	Nguyễn Cao	Trí	Nam	24/05/2003	Tiền Giang	105	7,11	Khá
4	2122030173	Trương Anh	Tú	Nam	20/08/2004	Bến Tre	105	7,31	Khá

Công nghệ kỹ thuật ô tô									
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô A									
1	2118170072	Đỗ Xuân	Trường	Nam	13/05/2000	Quảng Ngãi	90	6,61	Khá
2	2120170750	Trần Thái	Đăng	Nam	28/01/2002	Phú Yên	92	7,05	Khá
3	2121170001	Lê Minh	Đức	Nam	23/11/2003	Lâm Đồng	92	7,21	Khá
4	2121170011	Phạm Văn	Hoàng	Nam	08/04/2002	Bình Phước	92	6,35	Khá
5	2121170022	Lưu Ngọc	Minh	Nam	26/12/2003	Đồng Nai	92	7,04	Khá
6	2121170030	Đỗ Nguyên	Tùng	Nam	14/02/2002	Quảng Ngãi	92	6,32	Khá
7	2122170001	Dương Quốc	Bảo	Nam	03/06/2002	Khánh Hoà	105	8,38	Giỏi
8	2122170019	Phan Ngọc	Diệp	Nam	15/01/2004	Đồng Nai	105	7,78	Khá
9	2122170008	Huỳnh Văn	Tài	Nam	10/12/2004	Bình Phước	105	7,08	Khá
10	2122170002	Nguyễn Văn	Thành	Nam	26/10/2000	Lâm Đồng	105	8,08	Giỏi

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô B									
1	2118170098	Nguyễn Lưu Trường	Hải	Nam	20/10/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	90	6,88	Khá
2	2120170068	Huỳnh Kim	Tiền	Nam	25/05/2002	Tây Ninh	92	7,43	Khá
3	2120170072	Đặng Thanh	Tuyền	Nam	22/12/2002	Đồng Nai	92	7,19	Khá
4	2121170067	Nguyễn Hoàng	Thư	Nam	02/06/2003	Bình Định	92	6,93	Khá
5	2122170058	Phan Văn	Bảo	Nam	27/08/2004	Đồng Nai	105	7,09	Khá
6	2122170047	Đỗ Thiên	Lộc	Nam	07/10/2003	Cà Mau	105	7,61	Khá
7	2122170064	Nguyễn Tấn Hoàng	Nguyên	Nam	25/07/2003	Quảng Ngãi	105	7,52	Khá
8	2122170044	Ngô Trọng	Thoại	Nam	11/07/2004	Sóc Trăng	105	8,58	Giỏi
9	2122170065	Lê Lương	Toàn	Nam	19/04/2004	An Giang	105	8,34	Giỏi

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô C									
1	2120170091	Nguyễn Trần Nhật	Nam	Nam	11/10/2002	Tây Ninh	93	6,73	Khá
2	2121170103	Nguyễn Duy	Đức	Nam	29/09/2003	Hà Tĩnh	93	6,55	Khá
3	2121170073	Dương Văn	Hậu	Nam	07/08/2003	Ninh Thuận	93	6,65	Khá
4	2121170080	Lê Thanh	Nhân	Nam	14/03/2003	Quảng Ngãi	92	6,66	Khá
5	2121170087	Huỳnh Thanh	Tâm	Nam	20/11/2003	Bình Định	92	6,95	Khá

TRƯỜNG CAO ĐẲNG THÁI NGUYÊN
 ĐỀ CƯƠNG

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
6	2122170112	Trần Tấn	An	Nam	25/03/2004	An Giang	105	7,32	Khá
7	2122170101	Đào Tiến	Dũng	Nam	01/10/2004	Kiên Giang	105	7,24	Khá
8	2122170095	Trần Thanh	Duy	Nam	23/11/2004	Long An	105	7,73	Khá
9	2122170107	Nguyễn Hồ Thu	Hà	Nữ	11/08/2004	Bình Định	105	7,86	Khá
10	2122170108	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	18/02/2004	Đồng Nai	105	6,98	Khá
11	2122170090	Huỳnh Thái	Khang	Nam	30/05/2004	Đồng Tháp	105	8,15	Giỏi
12	2122170105	Phạm Văn	Khánh	Nam	10/07/2004	Đắk Lắk	105	7,36	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô Chất lượng cao

1	2120170643	Nguyễn Phi	Nhân	Nam	08/06/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	90	6,71	Khá
---	------------	------------	------	-----	------------	-----------------	----	------	-----

Lớp: Công nghệ kỹ thuật Ô tô CLC

1	2121172021	Lý Phương Hữu	Chí	Nam	17/02/2002	Đắk Lắk	102	6,82	Khá
2	2121172005	Nguyễn Hải Trung	Nhân	Nam	13/07/1999	Tiền Giang	102	7,21	Khá
3	2121172011	Nguyễn Công	Quốc	Nam	21/09/2003	Bình Thuận	102	6,78	Khá
4	2121172008	Trần Quang	Tuấn	Nam	11/08/2003	Hà Tĩnh	102	6,86	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật Ô tô CLC lớp A

1	2122170749	Nguyễn Đức	Ân	Nam	02/08/1998	Hà Tĩnh	105	7,21	Khá
2	2122170728	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	29/04/2004	Bình Phước	105	7,36	Khá
3	2122170747	Đặng Anh	Dũng	Nam	11/03/2004	Bình Phước	105	6,84	Khá
4	2122170737	Đặng Xuân	Dũng	Nam	16/05/2004	Đắk Lắk	105	7,58	Khá
5	2122170740	Đình Việt	Hà	Nam	15/12/2004	Bình Phước	105	7,87	Khá
6	2122170836	Hoàng Minh	Hà	Nam	16/01/2004	Đắk Lắk	105	7,06	Khá
7	2122170754	Nguyễn Đức	Hiếu	Nam	02/11/2004	Bình Dương	105	7,27	Khá
8	2122170739	Nguyễn Việt	Hoài	Nam	28/01/2004	Bình Phước	105	6,92	Khá
9	2122170745	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	06/09/2002	Lâm Đồng	105	7,69	Khá
10	2122170752	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	10/01/2004	Lâm Đồng	105	7,59	Khá
11	2122170753	Nguyễn	Lên	Nam	06/04/2004	Lâm Đồng	105	7,71	Khá
12	2122170741	Lê Đăng	Linh	Nam	01/05/2001	Đồng Nai	105	7,66	Khá
13	2122170733	Nguyễn Thành	Lượng	Nam	23/11/2004	Bến Tre	105	8,11	Giỏi
14	2122170729	Huỳnh Mai	Phương	Nam	24/10/2004	Nam Định	105	7,73	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật Ô tô CLC lớp B

1	2122170773	Trần Quang	Huy	Nam	10/10/2004	Lâm Đồng	105	7,89	Khá
2	2122170766	Nguyễn Trọng	Lộc	Nam	14/03/2004	Khánh Hoà	105	7,69	Khá
3	2122170845	Nguyễn Hồ Phúc	Lợi	Nam	02/07/2004	Bình Định	105	7,70	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật Ô tô CLC lớp C

1	2122170769	Trần Mạnh Vũ	Phong	Nam	06/11/2004	Bình Phước	105	7,05	Khá
2	2122170798	Trần Hữu	Phước	Nam	15/12/2004	Đắk Lắk	105	7,26	Khá
3	2122170838	Đặng Quý	Sơn	Nam	06/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	105	7,34	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
4	2122170531	Nguyễn Lê Tuấn	Anh	Nam	30/07/2004	Bình Thuận	105	7,59	Khá
5	2122170526	Nguyễn Quốc	Hiệu	Nam	14/09/2004	Quảng Ngãi	105	7,39	Khá
6	2122170562	Trần Minh	Quý	Nam	29/09/2004	Bình Định	105	7,47	Khá
7	2122170542	Hoàng Đình	Việt	Nam	06/01/2004	Đắk Lắk	105	7,18	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô O									
1	2122170586	Nguyễn Trường	Đang	Nam	10/11/2004	Trà Vinh	105	8,57	Giỏi
2	2122170579	Lữ Nguyễn Minh	Quân	Nam	21/07/2004	Bình Định	105	7,53	Khá
3	2122170570	Vũ Mạnh	Quyền	Nam	13/01/2004	Bình Phước	105	7,59	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô P									
1	2120170535	Trịnh Quốc	Khang	Nam	18/04/2003	Đồng Nai	92	7,36	Khá
2	2120170553	Lê Ngọc	Tiến	Nam	02/01/2002	Phú Yên	92	6,92	Khá
3	2120170558	Nguyễn Thanh	Trung	Nam	26/12/2002	Bình Định	92	6,50	Khá
4	2121170531	Trần Huyền	Quốc	Nam	16/02/2003	Bình Định	92	6,48	Khá
5	2121170556	Phùng Văn	Trọng	Nam	20/06/2003	Gia Lai	92	6,32	Khá
6	2122170627	Nguyễn Trọng	Duy	Nam	03/02/2004	Tiền Giang	105	7,79	Khá
7	2122170646	Trịnh Trọng	Tri	Nam	09/02/2004	Tiền Giang	105	7,27	Khá
8	2122170606	Lê Văn	Trường	Nam	24/09/2004	Phú Yên	105	7,25	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô Q									
1	2121170561	Hoàng Xuân	Đạt	Nam	14/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	92	6,54	Khá
2	2121170579	Nguyễn Chí	Thuận	Nam	13/06/2003	Bình Phước	92	7,78	Khá
3	2122170647	Nguyễn Lập	Đông	Nam	25/11/2004	Tây Ninh	105	7,11	Khá
4	2122170653	Nguyễn Xuân	Huy	Nam	27/11/2004	Quảng Ngãi	105	7,17	Khá
5	2122170669	Lê Nguyễn Anh	Luân	Nam	23/04/2004	Ninh Thuận	105	7,48	Khá
6	2122170667	Trần Quốc	Quang	Nam	23/03/2004	Phú Yên	105	7,43	Khá
7	2122170685	Huỳnh Phúc	Thọ	Nam	20/06/2004	Ninh Thuận	105	7,64	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô R									
1	2120170619	Nguyễn Duy	Quang	Nam	30/05/2002	Khánh Hoà	92	7,23	Khá
2	2121170616	Phạm Ngọc	Phát	Nam	11/02/2003	Đồng Nai	92	7,27	Khá
3	2122170706	Vô Trọng	Tấn	Nam	19/05/2004	Tây Ninh	105	7,48	Khá
4	2122170689	Nguyễn Thái	Toàn	Nam	27/09/2004	Gia Lai	105	7,47	Khá
Công nghệ da giày									
Lớp: Công nghệ da giày A									
1	2120070003	Diệp Hoàng	Chí	Nam	20/10/2001	Đồng Nai	92	6,79	Khá
2	2120070008	Phùng Ngọc	Hòa	Nam	23/12/2001	Bình Dương	92	7,39	Khá
3	2120070018	Lê Thanh	Nam	Nam	11/01/2002	Bình Phước	92	6,70	Khá
4	2121070011	Lê Thị Kim	Quyên	Nữ	06/08/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	105	6,92	Khá
5	2121070029	Nguyễn Đức Xuân	Quỳnh	Nam	22/05/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	105	6,53	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
3	2120170323	Huỳnh Tấn	Dũng	Nam	18/12/2002	Bình Định	92	7,46	Khá
4	2120170325	Tào Quang	Hào	Nam	20/07/2002	Đồng Nai	92	6,62	Khá
5	2120170329	Phan Đình	Huy	Nam	22/08/2002	Bình Định	92	6,82	Khá
6	2120170348	Lê Chí	Toàn	Nam	07/04/2002	Đắk Lắk	92	7,12	Khá
7	2122170404	Lưu Hải	Dương	Nam	15/07/2004	Bình Phước	105	7,09	Khá
8	2122170401	Lê Bùi Nhật	Duy	Nam	19/08/2004	Bình Định	105	7,45	Khá
9	2122170370	Hồ Duy	Phương	Nam	28/11/2004	Quảng Ngãi	105	7,18	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô K

1	2120170356	Mai Tiến	Đạt	Nam	02/06/2002	Bình Định	92	6,92	Khá
2	2121170371	Dương Ngô Trung	Nguyên	Nam	24/04/2003	Gia Lai	92	6,85	Khá
3	2121170361	Lại Thế	Sang	Nam	06/11/2003	Bình Thuận	92	6,94	Khá
4	2121170383	Phạm Quang	Việt	Nam	05/12/2003	Bến Tre	92	6,59	Khá
5	2122170406	Nguyễn Hữu	Đạt	Nam	19/11/2004	An Giang	105	7,74	Khá
6	2122170412	Lê Anh Vin	Em	Nam	30/10/2003	Bình Định	105	7,07	Khá
7	2122170425	Lương Công	Hoàng	Nam	24/05/2004	Phú Yên	105	6,91	Khá
8	2122170422	Nguyễn Hữu Mạnh	Hùng	Nam	18/07/2004	Đắk Lắk	105	7,05	Khá
9	2122170415	Trần Gia	Khang	Nam	28/07/2004	Tiền Giang	105	7,58	Khá
10	2122170433	Hà Duy	Nam	Nam	03/04/2004	Kiên Giang	105	7,64	Khá
11	2122170436	Ngô Văn	Nam	Nam	10/10/2004	Bình Định	105	7,36	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô L

1	2121170389	Lê Quốc	Huy	Nam	05/07/2003	Phú Yên	92	6,88	Khá
2	2121170399	Nguyễn Anh	Phúc	Nam	21/10/2002	Long An	92	6,60	Khá
3	2121170388	Đào Nguyễn Hữu	Tuấn	Nam	17/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	93	7,23	Khá
4	2122170470	Nguyễn Phúc	Lâm	Nam	22/11/2004	Cà Mau	105	7,00	Khá
5	2122170478	Nguyễn Thành	Long	Nam	12/10/2004	Bình Dương	105	7,18	Khá
6	2122170464	Lê Cao	Nhân	Nam	02/02/2004	Bình Định	105	8,08	Giỏi
7	2122170463	Phạm Ngọc	Tâm	Nam	17/03/2003	Đồng Nai	105	8,22	Giỏi

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô M

1	2119170439	Trần Hữu	Hải	Nam	05/08/2001	Quảng Ngãi	92	6,42	Khá
2	2122170514	Trần Ngọc	Đạt	Nam	11/07/2004	Quảng Ngãi	105	6,98	Khá
3	2122170505	Huỳnh Anh	Khoa	Nam	13/02/2004	Tiền Giang	105	7,50	Khá
4	2122170510	Trương Đình	Việt	Nam	19/03/2004	Đồng Nai	105	6,93	Khá
5	2122170495	Nguyễn Đắc Tuấn	Vũ	Nam	19/10/2004	Bình Phước	105	7,03	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô N

1	2120170462	Nguyễn Văn	Hà	Nam	21/08/2002	Bình Định	92	7,33	Khá
2	2121170475	Đỗ Hồ Bảo	Toàn	Nam	04/02/2003	Bình Định	92	6,44	Khá
3	2121170486	Nguyễn Văn	Tức	Nam	24/11/2003	Phú Yên	92	6,42	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
10	2122170220	Hoàng Trọng	Thân	Nam	26/01/2004	Cao Bằng	105	7.66	Khá
11	2122170229	Ngô Hữu	Toán	Nam	07/01/2004	Quảng Ngãi	105	7.56	Khá
12	2122170210	Trần Minh	Trí	Nam	20/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	105	7.48	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô G									
1	2118170488	Đoàn Quang	Minh	Nam	24/08/2000	Đồng Nai	90	6.46	Khá
2	2121170660	Trần Ngọc	Hải	Nam	30/01/2001	Đồng Nai	93	6.50	Khá
3	2121170235	Trần Lê Khánh	Hiệp	Nam	21/07/2003	Bình Định	93	6.94	Khá
4	2121170237	Nguyễn Đức	Trường	Nam	09/10/2000	Tiền Giang	93	6.36	Khá
5	2122170249	Huỳnh Vĩnh	Hưng	Nam	10/02/2004	Hậu Giang	105	8.14	Giỏi
6	2122170251	Lê Ngô Minh	Khôi	Nam	21/09/2004	Bến Tre	105	7.00	Khá
7	2122170256	Phạm Minh	Quân	Nam	20/07/2004	Đồng Nai	105	7.45	Khá
8	2122170250	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	05/09/2004	Long An	105	7.14	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô H									
1	2121170279	Lê Ngọc	Hi	Nam	29/05/2003	Bình Định	93	7.11	Khá
2	2121170280	Đỗ Văn	Mạnh	Nam	18/11/2003	Bình Định	92	6.98	Khá
3	2121170255	Phạm Nguyễn Anh	Triết	Nam	24/11/2003	Ninh Thuận	92	6.63	Khá
4	2122170316	Trần Thiên	Bảo	Nam	16/01/2004	An Giang	105	7.14	Khá
5	2122170303	Nguyễn Tuấn	Kha	Nam	06/09/2004	Bến Tre	105	7.31	Khá
6	2122170289	Phạm Ngọc	Sum	Nam	22/04/2004	Bình Thuận	105	6.90	Khá
7	2122170302	Võ Đình	Tiến	Nam	24/02/2003	Quảng Ngãi	105	7.04	Khá
8	2122170301	Trần Công	Tín	Nam	25/02/2004	Phú Yên	105	6.60	Khá
9	2122170290	Lê Quang	Vinh	Nam	21/12/2004	Kiên Giang	105	6.64	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô I									
1	2120170700	Lưu Phạm Hữu	Khang	Nam	03/01/2002	Tiền Giang	92	6.74	Khá
2	2120170309	Lê Thanh	Trà	Nam	09/08/2002	Bến Tre	92	6.83	Khá
3	2121170285	Mai Xuân	Danh	Nam	21/10/2003	Bình Định	92	6.68	Khá
4	2121170309	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	16/07/2003	Bình Định	92	6.72	Khá
5	2121170306	Lê Minh	Hữu	Nam	01/05/2003	Bình Định	93	6.39	Khá
6	2121170315	Võ Hoàng	Tuấn	Nam	22/06/2003	Bình Thuận	92	6.55	Khá
7	2122170349	Bùi Quang	Hiệp	Nam	11/03/2004	Gia Lai	105	7.91	Khá
8	2122170351	Nguyễn Ngọc	Hoàng	Nam	16/04/2004	Gia Lai	105	7.19	Khá
9	2122170352	Võ Văn	Minh	Nam	02/02/2004	Phú Yên	105	6.69	Khá
10	2122170330	Nguyễn Phương	Nam	Nam	11/10/2004	Quảng Ngãi	105	7.73	Khá
11	2122170355	Phan Thanh	Tùng	Nam	18/01/2002	Gia Lai	105	7.88	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô J									
1	2120170321	Phan Thành Nhật	Cường	Nam	14/01/2002	Long An	92	6.87	Khá
2	2120170322	Nguyễn Trí	Du	Nam	24/12/2002	Bình Định	92	6.63	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
4	2122170782	Nguyễn Quý	Tài	Nam	15/09/2004	Bình Thuận	105	7,05	Khá
5	2122170731	Nguyễn Văn Duy	Thanh	Nam	22/08/2004	Bến Tre	105	7,36	Khá
6	2122170858	Dương Trọng	Thuần	Nam	19/02/2004	Bến Tre	105	7,96	Khá
7	2122170757	Võ Văn	Tiến	Nam	22/08/2004	Bình Định	105	7,32	Khá
8	2122170751	Phan Trung	Trí	Nam	07/12/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	105	7,98	Khá
9	2122170841	Lê Thanh	Trọng	Nam	28/10/2004	Bình Định	105	8,17	Giỏi
10	2122170774	Chu Văn	Tuấn	Nam	03/08/2004	Lâm Đồng	105	7,02	Khá
11	2122170842	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	26/04/2004	Gia Lai	105	7,83	Khá
12	2122170738	Đào Phước Bảo	Việt	Nam	12/08/2004	Quảng Trị	105	7,20	Khá
13	2122170153	Lương Tăng	Vương	Nam	24/02/2004	Ninh Thuận	105	7,38	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô D

1	2121170115	Nguyễn Xuân Hải	Dương	Nam	28/02/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	92	7,03	Khá
2	2121170136	Phạm Minh	Mến	Nam	30/10/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	92	6,79	Khá
3	2121170130	Trần Thành	Quang	Nam	02/11/2003	Quảng Ngãi	92	6,69	Khá
4	2121170129	Nguyễn Hữu	Thuận	Nam	15/04/2003	Long An	92	7,03	Khá
5	2121170109	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	18/06/2003	Tiền Giang	92	6,68	Khá
6	2122170133	Đỗ Trung	Hậu	Nam	01/02/2004	Quảng Ngãi	105	7,11	Khá
7	2122170131	Trương Huy	Thịnh	Nam	14/10/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	105	6,78	Khá
8	2122170142	Nguyễn Khanh	Vân	Nam	11/12/2004	An Giang	105	7,94	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô E

1	2120170151	Huỳnh Văn	Lưu	Nam	01/01/2002	Phú Yên	92	7,03	Khá
2	2120170173	Dương Thanh	Tuấn	Nam	31/03/2002	Phú Yên	92	6,46	Khá
3	2121170142	Nguyễn Tường	Ân	Nam	17/05/2003	Tiền Giang	92	7,16	Khá
4	2121170156	Đinh Công	Đoan	Nam	27/10/2003	Phú Yên	92	6,71	Khá
5	2121170656	Nguyễn Thành	Phát	Nam	19/02/2003	Tiền Giang	93	7,47	Khá
6	2122170179	Đặng Hiếu	Nghĩa	Nam	20/10/2004	Bến Tre	105	7,10	Khá
7	2122170188	Phạm Ngô	Quyền	Nam	18/08/2004	Đồng Nai	105	7,40	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô F

1	2118170457	Nguyễn Huỳnh Anh	Tuấn	Nam	04/09/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	90	6,59	Khá
2	2120170186	Trần Văn	Hiếu	Nam	16/10/2002	Đắk Lắk	92	7,31	Khá
3	2120170188	Phan Văn	Hòa	Nam	29/09/2002	Đắk Lắk	92	6,93	Khá
4	2120170206	Đỗ Quang	Thắng	Nam	07/06/2002	Tp. Hồ Chí Minh	93	7,04	Khá
5	2121170183	Trần Hoàng	Thái	Nam	07/11/2002	Long An	92	7,32	Khá
6	2121170209	Nguyễn Hữu	Vũ	Nam	20/10/2003	Quảng Ngãi	92	6,45	Khá
7	2122170237	Võ Quang	Hải	Nam	13/03/2000	Bình Thuận	105	6,94	Khá
8	2122170241	Phan Tấn	Phát	Nam	05/04/2004	Bình Thuận	105	7,45	Khá
9	2122170222	Võ Văn	Phúc	Nam	18/08/2004	Bình Định	105	7,15	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
6	2122070006	Trần Huyền	Diệu	Nữ	16/07/2004	Quảng Bình	105	8,22	Giỏi
7	2122070032	Lê Thị Phương	Dương	Nữ	10/05/2002	Phủ Yên	105	6,92	Khá
8	2122070028	Danh Thái Gia	Hân	Nữ	13/07/2004	Đồng Nai	105	6,85	Khá
9	2122070007	Nguyễn Công	Hiếu	Nam	01/12/2004	Quảng Trị	105	7,71	Khá
10	2122070020	Đặng Văn	Hoan	Nam	12/03/2003	Đồng Nai	105	7,52	Khá
11	2122070023	Trần Thị Như	Khuyên	Nữ	16/08/2000	Đồng Nai	105	8,18	Giỏi
12	2122070033	Hoàng Ngọc Khánh	Linh	Nữ	21/03/2004	Cần Thơ	105	7,33	Khá
13	2122070011	Trần Thị Như	Lý	Nữ	15/04/2004	Tiền Giang	105	7,70	Khá
14	2122070001	Nguyễn Thị Hồng	My	Nữ	25/11/2003	Đồng Nai	105	7,40	Khá
15	2122070012	Võ Thị Ngọc	Như	Nữ	25/01/2004	Bình Thuận	105	7,18	Khá
16	2122070025	Cao Thị Hồng	Nhung	Nữ	12/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	105	7,61	Khá
17	2122070021	Nguyễn Kiêm	Phi	Nam	19/06/2003	Đồng Tháp	105	7,16	Khá
18	2122070010	Nguyễn Thị Hoài	Phương	Nữ	07/10/2004	Tiền Giang	105	7,99	Khá
19	2122070026	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	12/06/2004	Long An	105	8,11	Giỏi
20	2122070015	Hồ Thị	Thư	Nữ	09/12/2004	Đồng Nai	105	6,97	Khá
21	2122070016	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	16/02/2004	Đồng Nai	105	7,07	Khá
22	2122070042	Đỗ Thị Thuỷ	Tiên	Nữ	19/07/2004	Đồng Nai	105	8,60	Giỏi
23	2122070009	Trần Thị Kim	Tiền	Nữ	11/02/2004	Tiền Giang	105	7,67	Khá
24	2122070005	Nguyễn Lưu Huyền	Trân	Nữ	04/04/2004	Long An	105	7,77	Khá
25	2122070024	Lê Tấn	Vũ	Nam	05/02/2003	Bình Thuận	105	7,23	Khá

Lớp: Công nghệ da giày B

1	2120070047	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	24/07/1999	Lâm Đồng	92	7,22	Khá
2	2122070036	Nguyễn Văn	Anh	Nữ	30/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	105	8,54	Giỏi
3	2122070048	Trần Thị	Dung	Nữ	22/04/2004	Đồng Nai	105	7,34	Khá
4	2122070039	Hoàng Thị	Hòa	Nữ	27/01/2004	Bình Phước	105	8,38	Giỏi
5	2122190030	Ninh Thị	Nga	Nữ	02/11/2004	Bình Phước	105	6,78	Khá
6	2122070041	Hoàng Quốc	Nhật	Nam	11/09/2003	Đồng Nai	105	7,30	Khá
7	2122070040	Lê Hoàng	Quân	Nam	09/06/2004	An Giang	105	7,50	Khá
8	2122130079	Lê Thị Minh	Thư	Nữ	28/04/2004	Tp. Hồ Chí Minh	105	8,27	Giỏi
9	2122070045	Trần Thị Huế	Trân	Nữ	25/09/2004	Tiền Giang	105	7,73	Khá

Công nghệ may

Lớp: Công nghệ may A

1	2120130003	Nguyễn Ngọc Trân	Châu	Nữ	01/02/2002	Long An	93	7,12	Khá
2	2122130013	Trần Thùy Thiên	Ân	Nữ	30/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	112	7,34	Khá
3	2122130014	Phạm Ngọc	Anh	Nữ	31/07/2004	Bạc Liêu	112	7,17	Khá
4	2122130020	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	20/12/2004	Bình Định	112	7,82	Khá
5	2122130025	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	28/07/2004	Bình Định	112	7,03	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
6	2122130023	Lê Thị Mỹ	Lệ	Nữ	16/10/2004	Bình Thuận	113	7,15	Khá
7	2122130016	Huỳnh Thị Kim	Ngân	Nữ	08/06/2004	Quảng Ngãi	112	7,89	Khá
8	2122130005	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	17/12/2004	Bình Phước	112	7,85	Khá
9	2122130010	Nguyễn Thị Thùy	Nhiên	Nữ	30/06/2004	Bình Định	112	7,29	Khá
10	2122130018	Trần Thị Hồng	Nhờ	Nữ	18/03/2004	Tiền Giang	112	7,50	Khá
11	2122130026	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	Nữ	08/01/2004	Bình Định	113	6,49	Khá
12	2122130004	Đỗ Quỳnh Vi	Thảo	Nữ	30/01/2004	Đắk Nông	112	7,41	Khá
13	2122130012	Đặng Thị Kim	Thư	Nữ	19/07/2004	Bình Định	112	8,25	Giỏi
14	2122130030	Nguyễn Thị Mỹ	Tiền	Nữ	27/06/2004	Đồng Nai	112	8,81	Giỏi
15	2122130006	Trần Thị	Vân	Nữ	27/02/2004	Đồng Nai	112	8,02	Giỏi

Lớp: Công nghệ may B

1	2120130032	Phạm Thị Kiều	Bích	Nữ	21/08/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	92	7,04	Khá
2	2120130093	Võ Thị Ngọc	Tuyết	Nữ	24/12/2002	Bình Định	92	6,94	Khá
3	2121130038	Ngô Thị Thùy	Trang	Nữ	03/05/2003	Khánh Hoà	92	7,30	Khá
4	2122130047	Nguyễn Thị Xuân	Công	Nữ	14/04/2004	Bình Định	112	7,13	Khá
5	2122130052	Nguyễn Thị Hồng	Diệu	Nữ	06/01/2004	Bình Định	112	7,08	Khá
6	2122130050	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	Nữ	18/11/2004	Bình Định	112	7,16	Khá
7	2122130034	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	06/01/2004	Đắk Lắk	112	8,34	Giỏi
8	2122130060	Lê Ngọc	Huyền	Nữ	08/08/2004	Bến Tre	112	7,49	Khá
9	2122130032	Trần Thị Thủy	Kiều	Nữ	07/02/2004	Bình Định	113	6,57	Khá
10	2122130045	Hồ Thị Trúc	Linh	Nữ	21/08/2004	Bình Định	112	7,12	Khá
11	2122130040	Huỳnh Thị Kim	Loan	Nữ	08/09/2004	Bình Định	112	8,08	Giỏi
12	2122130038	Nguyễn Thị	Mỹ	Nữ	11/12/2004	Bình Định	112	7,05	Khá
13	2122130048	Đỗ Thị Mỹ	Nờ	Nữ	02/03/2004	Bình Định	112	7,24	Khá
14	2122130035	Trần Thị Hồng	Phúc	Nữ	23/06/2004	Bình Định	112	7,84	Khá
15	2122130042	Thân Thị	Quảng	Nữ	22/09/2004	Bình Định	112	6,92	Khá
16	2122130037	Nguyễn Ngọc Tú	Quyên	Nữ	02/11/2004	Đồng Nai	112	8,53	Giỏi
17	2122130041	Tô Thị Hoa	Sim	Nữ	12/05/2004	Phú Yên	113	6,92	Khá
18	2122130057	Phan Thị Hồng	Sương	Nữ	01/01/2004	Long An	112	6,77	Khá
19	2122130051	Trần Thị Thu	Sương	Nữ	21/12/2004	Bình Định	112	7,11	Khá
20	2122130100	Lê Bích	Thủy	Nữ	23/06/2004	Bình Thuận	112	7,55	Khá
21	2122130043	Cao Thị Thiên	Trang	Nữ	20/09/2004	Bình Định	112	7,85	Khá
22	2122130055	Đoàn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	18/07/2004	Bình Định	112	7,69	Khá
23	2122130044	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	19/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	112	7,71	Khá
24	2122130049	Lê Thị Hồng	Vân	Nữ	13/05/2004	Bình Định	112	7,73	Khá
25	2122130054	Nguyễn Thị Kim	Vạn	Nữ	28/08/2004	Quảng Ngãi	112	7,94	Khá

Lớp: Công nghệ may C

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
1	2120130074	Phạm Thị Hồng	Nhật	Nữ	07/11/2002	Tiền Giang	93	6,69	Khá
2	2120130087	Tường Hoàng Tổ	Uyên	Nữ	12/07/2002	Bình Thuận	92	6,71	Khá
3	2122130093	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	04/01/2004	Ninh Thuận	112	7,99	Khá
4	2122130091	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	Nữ	10/06/2004	Long An	112	7,16	Khá
5	2122130080	Đỗ Gia	Huy	Nữ	08/04/2004	Bình Định	112	7,67	Khá
6	2122130066	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	15/05/2004	Bình Định	112	7,06	Khá
7	2122130089	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	09/09/2004	Đồng Tháp	112	7,63	Khá
8	2122130067	Phan Thị Kim	Ngân	Nữ	18/12/2004	Tiền Giang	112	7,75	Khá
9	2122130082	Đỗ Thị	Nhi	Nữ	17/11/2004	Quảng Nam	112	7,49	Khá
10	2122130070	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	23/03/2004	Bình Thuận	112	7,76	Khá
11	2122130068	Nguyễn Đình	Trí	Nam	02/10/2004	Tiền Giang	112	7,54	Khá
12	2122130073	Trần Thị Hồng	Xuân	Nữ	20/05/2004	Bình Thuận	112	8,07	Giỏi
Lớp: Công nghệ may D									
1	2122130106	Huỳnh Kiều	Duyên	Nữ	05/10/2004	Tiền Giang	112	8,00	Giỏi
2	2122130099	Phan Hiếu	Hân	Nữ	15/01/2004	Bình Thuận	112	7,59	Khá
3	2122130110	Nông Thị	Hạnh	Nữ	06/03/2003	Bình Phước	112	8,33	Giỏi
4	2122130111	Ma Thị Thanh	Hiếu	Nữ	05/05/2003	Bình Phước	112	8,22	Giỏi
5	2122130108	Đinh Thị Thùy	Linh	Nữ	15/09/2004	Hà Tĩnh	112	7,04	Khá
6	2122130105	Nguyễn Thị Bích	Phường	Nữ	19/02/2004	Bình Định	112	7,51	Khá
7	2122130064	Ngô Hoài	Thương	Nữ	18/03/2004	Bình Định	112	7,41	Khá
8	2122130065	Trần Nguyễn Phương	Trang	Nữ	07/09/2004	Bến Tre	112	6,89	Khá
9	2122130104	Mai Như	Ý	Nữ	30/01/2004	Bình Định	112	7,53	Khá
Công nghệ thông tin									
Lớp: Công nghệ thông tin A									
1	2119110030	Phan Nguyễn Quốc	Trung	Nam	20/02/2001	Bình Thuận	92	6,19	Trung bình
2	2121110031	Trương Thị Thu	Nga	Nữ	02/01/2003	Bình Định	105	7,25	Khá
3	2121110035	Phùng Ngọc	Toàn	Nam	07/12/2003	Phú Yên	105	6,52	Khá
4	2122110023	Nguyễn Hải	Đang	Nam	13/10/2004	Sóc Trăng	105	7,01	Khá
5	2122110025	Bùi Hải	Dương	Nam	26/01/2004	Sóc Trăng	105	7,78	Khá
6	2122110007	Phạm Ngọc Huy	Hoàng	Nam	08/10/2000	Kon Tum	105	8,21	Giỏi
7	2122110004	Huỳnh Duy	Khánh	Nam	23/12/2003	Long An	105	6,71	Khá
8	2122170696	Nim An	Lực	Nam	16/11/2004	Đồng Nai	105	7,23	Khá
9	2122110014	Trần Ngọc	Mạnh	Nam	05/03/1997	Bình Thuận	105	7,13	Khá
10	2122110016	Lê Thị Thúy	Ngân	Nữ	30/03/2004	Bình Dương	105	8,51	Giỏi
11	2122110031	Đào Văn	Phương	Nam	01/05/1996	Bình Thuận	105	7,15	Khá
12	2122110020	Nguyễn Lê Bá	Quốc	Nam	12/02/2004	Phú Yên	105	7,87	Khá
Lớp: Công nghệ thông tin B									

ĐƠN TRƯỞNG CÁC TỔNG THẠ

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
1	2119180056	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	20/11/2001	Quảng Ngãi	95	6,02	Trung bình
2	2121110057	Nguyễn Công	Khánh	Nam	08/11/2003	Long An	105	6,86	Khá
3	2121110040	Bùi Thị Hồng	Thom	Nữ	28/10/2003	Bình Định	105	6,90	Khá
4	2122110042	Mai Hoàng	Bảo	Nam	07/03/2004	Long An	105	6,44	Khá
5	2122110055	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	Nữ	07/06/2004	Bến Tre	105	6,89	Khá
6	2122110054	Nguyễn Minh	Đạt	Nam	10/05/2004	Quảng Ngãi	105	7,22	Khá
7	2122110043	Trần Anh	Dũng	Nam	29/07/2001	Quảng Bình	105	7,36	Khá
8	2122110050	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	17/01/2004	Cà Mau	105	7,60	Khá
9	2122110063	Lê Trần Thái	Ngư	Nam	30/07/2004	Bình Định	105	7,54	Khá
10	2122110044	Phạm Minh	Phúc	Nam	26/09/2004	Bến Tre	105	7,20	Khá
11	2122110440	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	13/09/2003	Long An	108	8,13	Giỏi

Lớp: Công nghệ thông tin C

1	2119110072	Nguyễn Hữu	Danh	Nam	20/01/2001	Đắk Nông	98	7,24	Khá
2	2120110100	Huỳnh Thiệu	Tổng	Nam	30/11/2002	Tiền Giang	92	6,46	Khá
3	2121110087	Trần Hữu	Thọ	Nam	10/04/2003	Bình Thuận	105	6,96	Khá
4	2122110107	Tạ Văn	Chiến	Nam	14/08/2004	Bình Thuận	105	7,39	Khá
5	2122110119	Bùi Hữu	Danh	Nam	19/06/2002	Tiền Giang	105	8,09	Giỏi
6	2122110113	Hồ Nhật	Khiêm	Nam	20/07/2004	Cà Mau	105	6,58	Khá
7	2122110087	Lê Văn	Lực	Nam	03/12/2003	Ninh Thuận	105	7,18	Khá
8	2122110106	Mai Hữu	Phước	Nam	23/12/2004	Bình Định	105	7,52	Khá
9	2122110118	Vì Văn	Sứ	Nam	25/04/2003	Bình Phước	105	7,40	Khá
10	2122110111	Đoàn Ngọc	Thương	Nam	24/09/2004	Bình Định	105	7,56	Khá
11	2122110096	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	26/06/2004	Đắk Lắk	105	6,44	Khá
12	2122110112	Phạm Anh	Vũ	Nam	01/10/2004	Bình Định	105	7,46	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin CLC

1	2121110257	Vũ Minh	Hiếu	Nam	17/06/2003	Nam Định	105	7,92	Khá
2	2121110041	Đinh Ngọc	Hoàng	Nam	10/04/1997	Đắk Lắk	105	7,54	Khá
3	2121110078	Cao Xuân	Tùng	Nam	04/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	105	7,06	Khá
4	2122110430	Võ Thành	Đạt	Nam	21/07/2004	Tây Ninh	105	6,93	Khá
5	2122110428	Nguyễn Võ Tấn	Dũng	Nam	06/12/2004	Long An	105	7,50	Khá
6	2122110556	Trần Thanh	Hải	Nam	02/11/2004	Phú Yên	105	8,28	Giỏi
7	2122110431	Trần Thị	Hiền	Nữ	06/01/2004	Nghệ An	105	7,74	Khá
8	2122110427	Nguyễn Long	Thinh	Nam	19/02/1994	Bình Phước	105	6,51	Khá
9	2122110426	Nguyễn Phú	Thịnh	Nam	22/04/2004	Vĩnh Long	105	7,08	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin D

1	2120110124	Võ Hồ Xuân	Sang	Nam	06/02/2002	Đồng Nai	93	6,36	Khá
2	2121110126	Vũ Thế	Duyệt	Nam	22/04/2003	Hải Dương	105	6,76	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
3	2121110122	Lê Anh	Trúc	Nam	12/10/2003	Lâm Đồng	105	6,52	Khá
4	2121110140	Lê Trần Cẩm	Trúc	Nữ	20/10/2003	Quảng Ngãi	105	6,40	Khá
5	2122110124	Trần Xuân	Hoàng	Nam	17/02/2004	Ninh Thuận	105	8,15	Giỏi
6	2122110589	Danh Sa	Liêm	Nam	14/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	105	7,71	Khá
7	2122110139	Lương Trọng	Nghĩa	Nam	20/03/2004	Ninh Thuận	105	8,01	Giỏi
8	2122110155	Đỗ Đức	Phú	Nam	04/03/2004	Khánh Hoà	105	7,58	Khá
9	2122110145	Nguyễn	Sao	Nam	29/06/2004	Phú Yên	105	8,40	Giỏi
10	2122110158	Dương Trung	Thức	Nam	09/06/2004	Ninh Thuận	105	7,59	Khá
11	2122110125	Nguyễn Thành	Tin	Nam	22/08/2004	Quảng Ngãi	105	7,41	Khá
12	2122110123	Phan Thanh	Tuấn	Nam	21/03/2004	Đắk Lắk	105	7,15	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin E

1	2119110135	Nguyễn Phan Trường	An	Nam	09/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	92	7,00	Khá
2	2119110145	Lê Trần Gia	Khánh	Nam	15/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	93	6,97	Khá
3	2119110150	Võ Tuấn	Phụng	Nam	23/01/2001	Bến Tre	92	7,15	Khá
4	2120110146	Nguyễn Đức	Hòa	Nam	18/04/2002	Tp. Hồ Chí Minh	92	7,70	Khá
5	2121110174	Lê Thị Ngọc	Diệu	Nữ	03/06/2003	Bình Thuận	105	8,11	Giỏi
6	2121110175	Lê Minh	Hoàng	Nam	08/12/2003	Gia Lai	105	6,46	Khá
7	2121110154	Nguyễn Thị Thúy	Vi	Nữ	28/11/2003	Tiền Giang	105	6,58	Khá
8	2122110166	Nguyễn Thị Vân	Kiều	Nữ	11/07/2004	Đắk Lắk	105	7,13	Khá
9	2122110173	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	30/07/2004	Ninh Thuận	105	7,31	Khá
10	2122110191	Nguyễn Trần Đức	Tài	Nam	02/07/2004	Bình Định	105	7,33	Khá
11	2122110175	Phạm Đình	Thuần	Nam	28/05/2004	Bình Định	105	7,28	Khá
12	2122110162	Trần Văn	Toàn	Nam	22/05/2004	Bình Định	105	7,94	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin F

1	2119110176	Lê Đình	Dũng	Nam	24/07/2001	Bình Dương	92	7,11	Khá
2	2120110353	Châu Bình	An	Nam	02/04/2002	Tây Ninh	92	6,93	Khá
3	2121110185	Nguyễn Tiến	Mười	Nam	12/07/2003	Đồng Nai	105	6,32	Khá
4	2121110191	Nguyễn Thanh	Nguyên	Nam	20/07/2003	Tiền Giang	105	6,75	Khá
5	2121110207	Hoàng Trọng	Quốc	Nam	19/07/2003	Khánh Hoà	105	7,02	Khá
6	2122110230	Đoàn Xuân	Lâm	Nam	16/03/2004	Lâm Đồng	105	7,89	Khá
7	2122110216	Nguyễn Tiến Hoàng	Long	Nam	23/08/2003	Lâm Đồng	105	6,61	Khá
8	2122110203	Phạm Thị Hồng	Thắm	Nữ	09/04/2004	Bình Định	105	6,68	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin G

1	2120110229	Lê Văn	Nguyên	Nam	18/11/2001	Tiền Giang	92	6,93	Khá
2	2120240145	Nguyễn Thị Thảo	Trọng	Nữ	14/02/2002	Long An	93	6,87	Khá
3	2122110249	Nguyễn Võ	An	Nam	29/12/2004	Bình Định	105	6,75	Khá
4	2122110261	Mai Thị Kim	Hiền	Nữ	28/11/2004	Bình Thuận	105	8,69	Giỏi

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
5	2122110259	Huỳnh Văn	Hoà	Nam	21/03/2004	Bình Định	105	7,49	Khá
6	2122110262	Trần Thị Minh	Hoài	Nữ	06/05/2004	Bình Thuận	105	8,66	Giỏi
7	2122110241	Bùi Đức	Kiểm	Nam	07/06/2004	Bình Định	105	7,71	Khá
8	2122110269	Trương Minh	Mẫn	Nam	01/11/2004	Bình Thuận	105	7,32	Khá
9	2122110242	Trương Thị Kim	Sương	Nữ	08/04/2004	Ninh Thuận	105	6,88	Khá
10	2122110248	Phạm Trần Xuân	Tân	Nam	12/10/2004	Phú Yên	105	7,62	Khá
11	2122110277	Nguyễn Phước	Thắng	Nam	24/01/2004	Bình Định	105	6,51	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin H

1	2121110272	Thái Hữu	Vinh	Nam	14/10/2003	Bến Tre	105	6,87	Khá
2	2122130036	Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	19/05/2004	Bình Định	105	7,13	Khá
3	2122110301	Tiêu Thị Minh	Thương	Nữ	15/04/2004	Quảng Ngãi	105	6,76	Khá
4	2122110283	Phạm Chánh	Tuấn	Nam	01/01/2004	Đồng Nai	105	6,71	Khá
5	2122110285	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	28/09/2004	Bình Thuận	105	7,12	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin I

1	2120110282	Dương Minh	Duy	Nam	30/06/2002	Tiền Giang	93	6,68	Khá
2	2121110313	Nguyễn Anh	Dương	Nam	09/06/2003	Tây Ninh	105	6,59	Khá
3	2121110298	Trần Khánh	Duy	Nam	13/01/2003	Tiền Giang	105	7,06	Khá
4	2122110336	Phan Đình	Cơ	Nam	27/12/2004	Quảng Ngãi	105	7,06	Khá
5	2122110351	Phạm Thúy	Hằng	Nữ	28/10/2004	Long An	105	7,34	Khá
6	2122110331	Nguyễn Gia	Huy	Nam	26/05/2004	Bến Tre	105	7,11	Khá
7	2122110324	Lê Ngọc Sĩ	Liêm	Nam	28/11/2003	Bến Tre	105	6,90	Khá
8	2122110335	Võ Thị Diệu	Thảo	Nữ	25/05/2004	Quảng Ngãi	105	7,39	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin J

1	2119110337	Đỗ Thị	Tới	Nữ	01/03/2000	Long An	92	6,74	Khá
2	2121110342	Trần Đăng	Chung	Nam	15/02/2003	Đắk Lắk	105	6,58	Khá
3	2121110322	Nguyễn Thành	Nam	Nam	27/12/2003	Nam Định	105	6,68	Khá
4	2121110348	Trịnh Công	Sơn	Nam	11/12/2001	Bình Phước	105	6,69	Khá
5	2122110393	Huỳnh Thị Mỹ	Lệ	Nữ	27/09/2004	Phú Yên	105	6,56	Khá
6	2122110365	Lê Thị Bảo	Trần	Nữ	17/11/2004	Phú Yên	105	6,71	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin K

1	2122110456	Nguyễn Tạ Đình	Duy	Nam	11/11/2004	Trà Vinh	105	9,09	Xuất sắc
2	2122110458	Trần Quang	Huy	Nam	14/09/2004	Phú Yên	105	7,40	Khá
3	2122110398	Nguyễn Tấn	Linh	Nam	20/10/2004	Bình Định	105	8,32	Giỏi
4	2122110511	Võ Minh	Thành	Nam	22/01/2000	Đồng Tháp	105	8,78	Giỏi
5	2122110457	Đình Hồ Kim	Xuyên	Nữ	29/08/2004	Long An	105	7,15	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin M

1	2122110528	Hà Mỹ	Duyên	Nữ	18/01/2004	Bình Định	105	7,28	Khá
---	------------	-------	-------	----	------------	-----------	-----	------	-----

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
2	2122110536	Nguyễn Văn	Thành	Nam	21/07/2004	Đắk Lắk	105	8,25	Giỏi
Truyền thông và mạng máy tính									
Lớp: Truyền thông và mạng máy tính									
1	2121260088	Phạm Thanh	Cường	Nam	30/11/2002	Đồng Tháp	105	7,47	Khá
2	2121260087	Phan Vĩnh	Tường	Nam	16/04/2002	Long An	105	7,21	Khá
3	2122220011	Ngô Duy	Bảo	Nam	12/11/2004	Khánh Hoà	105	6,91	Khá
4	2122110212	Thái Hồ Tiến	Đạt	Nam	06/08/2003	Đồng Nai	105	6,92	Khá
5	2122220005	Nguyễn Hoàng	Dương	Nam	22/03/2004	Bình Thuận	105	6,72	Khá
6	2122220002	Trần Đức	Hiền	Nam	19/01/1995	Quảng Trị	105	7,94	Khá
7	2122110027	Bùi Trung	Hưng	Nam	30/04/2004	Long An	105	7,25	Khá
8	2122150003	Danh Trần Phi	Khanh	Nam	29/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	105	7,05	Khá
9	2122110002	Nguyễn Thanh	Tâm	Nam	06/10/2003	Bình Định	105	7,17	Khá
10	2122110174	Hồ Trí	Thức	Nam	11/01/2004	Đồng Tháp	105	6,34	Khá
11	2122110068	Trần Ngọc	Ti	Nam	25/03/2004	Bình Định	105	6,88	Khá
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử									
Lớp: Điện công nghiệp A									
1	2121050010	Đỗ Hoàng	Phước	Nam	16/01/2003	Sóc Trăng	105	7,29	Khá
2	2122050004	Trương Khánh	Âu	Nam	12/08/2004	Ninh Thuận	105	7,95	Khá
3	2122050008	Lưu Bá	Đông	Nam	27/07/1998	Phú Yên	105	7,67	Khá
4	2122050029	Lương Duy	Khoa	Nam	11/06/2003	Quảng Ngãi	105	7,42	Khá
5	2122050031	Đào Minh	Nhật	Nam	31/01/2004	Bình Phước	105	7,03	Khá
6	2122050017	Huỳnh Tuấn	Nhật	Nam	05/03/2004	Bình Định	105	7,83	Khá
7	2122050027	Nguyễn Thành	Thái	Nam	13/04/2004	Bình Định	105	8,02	Giỏi
8	2122050019	Nguyễn Văn Minh	Thuận	Nam	12/03/2004	Đắk Lắk	105	7,46	Khá
9	2122050021	Phạm Văn Thiện	Thuật	Nam	19/01/2001	Đồng Nai	105	6,75	Khá
Lớp: Điện công nghiệp B									
1	2120050047	Huỳnh Phú	Lâm	Nam	01/03/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	92	6,70	Khá
2	2121050044	Từ Tịnh	Tâm	Nam	31/05/2003	Ninh Thuận	105	6,71	Khá
3	2121050054	Đàng Đức	Tân	Nam	17/06/2003	Ninh Thuận	105	6,95	Khá
4	2122050038	Phạm Thanh	Diễn	Nam	05/05/2004	Bình Định	105	6,75	Khá
5	2122050042	Trần Lê Nhật	Duy	Nam	06/11/2004	Quảng Ngãi	105	7,68	Khá
6	2122050051	Tô Đình	Thành	Nam	18/06/2004	Đắk Lắk	105	7,41	Khá
7	2122050061	Huỳnh Quốc	Thịnh	Nam	03/07/2004	Cà Mau	105	8,14	Giỏi
8	2122050039	Lê Văn	Tường	Nam	01/04/2004	Gia Lai	105	7,16	Khá
Lớp: Điện công nghiệp C									
1	2120050091	Nguyễn Nhật	Tiến	Nam	24/02/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	92	6,83	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
2	2122050087	Lê Việt	Đông	Nam	17/02/2004	Đắk Lắk	105	7,74	Khá
3	2122180005	Đoàn Tất	Giáp	Nam	01/08/2004	Bình Thuận	105	6,91	Khá
4	2122050139	Võ Văn	Hùng	Nam	23/01/2004	Kon Tum	105	6,65	Khá
5	2122050077	Nguyễn Công	Hưng	Nam	12/12/2004	Bình Định	106	7,03	Khá
6	2122050086	Trần Đăng	Khoa	Nam	01/01/2004	Bình Định	105	7,35	Khá
7	2122050071	Nguyễn Công	Lập	Nam	02/09/2004	Bình Định	105	7,46	Khá
8	2122050081	Trương Lê Ngọc	Tiên	Nam	06/11/2003	Phú Yên	105	7,53	Khá

Lớp: Điện công nghiệp D

1	2122050127	Nguyễn Ngọc	Đức	Nam	13/03/2004	Bình Thuận	105	8,28	Giỏi
2	2122050128	Nguyễn Xuân	Dương	Nam	01/01/2004	Bình Định	105	7,26	Khá
3	2122140064	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	23/02/2001	Đồng Nai	105	7,35	Khá
4	2122050013	Trần Gia	Lâm	Nam	26/08/2004	Đồng Tháp	105	8,59	Giỏi
5	2122170394	Lê Văn	Lưu	Nam	26/07/2004	Bình Định	105	7,21	Khá
6	2122050106	Dương Thành	Nguyên	Nam	16/02/2004	Bình Định	105	8,12	Giỏi
7	2122050105	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	11/03/2004	Bình Định	105	7,28	Khá
8	2122050103	Trần Anh	Vũ	Nam	08/05/2004	Lâm Đồng	105	7,65	Khá

Lớp: Điện tử công nghiệp A

1	2119060004	Thái Quốc	Cường	Nam	30/11/2001	Bình Định	92	7,47	Khá
2	2120060007	Phan Vạn	Hậu	Nam	16/09/2002	Bình Định	92	7,05	Khá
3	2120060019	Nguyễn Đức	Tâm	Nam	29/03/2002	Lâm Đồng	92	6,54	Khá
4	2121060029	Nguyễn Quang	Tiến	Nam	09/12/2003	Quảng Ngãi	105	7,39	Khá
5	2121060033	Phan Long	Vũ	Nam	19/11/2003	Quảng Ngãi	105	7,33	Khá
6	2122060022	Ngô Hoàng	Chiến	Nam	23/05/2004	Bến Tre	105	7,78	Khá
7	2122060007	Nguyễn Xuân	Hới	Nam	11/02/2000	Quảng Bình	105	6,88	Khá
8	2122060001	Lê Vinh	Quảng	Nam	20/01/2000	Phú Yên	105	6,96	Khá
9	2122060025	Bùi Thành	Tài	Nam	02/06/2003	An Giang	105	8,78	Giỏi
10	2122060027	Lê Minh	Tánh	Nam	24/07/2004	Đồng Tháp	105	7,28	Khá
11	2122060034	Trần Minh	Trung	Nam	05/06/2002	Bình Thuận	105	7,12	Khá
12	2122060011	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	02/08/2004	Bình Định	105	7,44	Khá

Lớp: Điện tử công nghiệp B

1	2121060042	Tô Văn	Sơn	Nam	01/02/2003	Bình Thuận	105	6,77	Khá
2	2122060060	Lương Thanh	Tiên	Nam	04/08/2004	Bình Định	105	7,98	Khá
3	2122170099	Nguyễn Hồng	Trung	Nam	01/12/2004	Đồng Nai	105	8,03	Giỏi
4	2122060077	Nguyễn Đỗ Lam	Trường	Nam	02/11/2004	Bình Phước	106	6,94	Khá

Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Lớp: CNKT điều khiển và tự động hóa A

1	2120150028	Lê Xuân	Thương	Nam	29/08/2001	Phú Yên	93	6,72	Khá
---	------------	---------	--------	-----	------------	---------	----	------	-----

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
-----	------	--------	-----	-----------	-----------	----------	----	---------	----------

Lớp: CNKT ĐK và tự động hóa A

1	2121150032	Lê Văn	Cường	Nam	28/09/2003	Quảng Ngãi	107	6,55	Khá
2	2122150028	Lê Tấn	Bằng	Nam	29/09/2004	Bình Định	105	7,12	Khá
3	2122150013	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	29/05/2004	Bình Định	105	7,79	Khá
4	2122150040	Huỳnh Duy	Bình	Nam	08/10/2004	Bình Thuận	105	7,68	Khá
5	2122150002	Trương Thanh	Bình	Nam	07/10/2003	Đồng Nai	105	6,89	Khá
6	2122150034	Nguyễn Xuân	Giáp	Nam	16/12/2004	Bình Định	105	7,25	Khá
7	2122150023	Nguyễn Quốc	Hoài	Nam	08/01/2004	Phú Yên	105	7,22	Khá
8	2122150043	Già Tấn	Huyền	Nam	17/06/2004	Bình Định	105	7,72	Khá
9	2122150015	Nguyễn Huỳnh Minh	Lý	Nam	12/04/2004	Tiền Giang	105	7,57	Khá
10	2122150011	Lê Quốc	Mạnh	Nam	16/01/2004	Ninh Thuận	105	7,26	Khá

Lớp: CNKT ĐK và tự động hóa B

1	2121150057	Tạ Quang Hải	Dương	Nam	11/10/2002	Hà Nam	107	7,33	Khá
2	2121150052	Lưu Đức	Khang	Nam	10/06/2003	An Giang	107	7,15	Khá
3	2121150037	Đào Minh	Phước	Nam	29/06/2002	Bình Thuận	107	7,21	Khá
4	2121150045	Võ Quốc	Thắng	Nam	30/11/2003	An Giang	107	7,56	Khá
5	2121150050	Nguyễn Trung	Trí	Nam	31/12/2003	Quảng Ngãi	105	7,66	Khá
6	2121150053	Trần Trung	Vĩnh	Nam	23/05/2003	Tiền Giang	107	7,41	Khá
7	2122170583	Huỳnh Thái	Nhã	Nam	30/06/2004	Bình Định	105	7,61	Khá
8	2122150007	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	27/10/2004	Bình Định	105	7,08	Khá
9	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài	Tấn	Nam	11/06/2004	Quảng Ngãi	105	7,62	Khá
10	2122150025	Phan Ngọc	Thông	Nam	21/03/2004	Phú Yên	105	7,88	Khá
11	2122150006	Nguyễn Thành	Tính	Nam	20/04/2004	Bình Định	105	8,11	Giỏi
12	2122150042	Đặng Công	Trình	Nam	26/04/2004	Gia Lai	105	7,07	Khá
13	2122150030	Hồ Quang	Trung	Nam	28/10/2004	Bình Định	105	7,31	Khá
14	2122150010	Trần Như Tuấn	Vũ	Nam	19/10/2003	Quảng Ngãi	107	6,72	Khá

Lớp: CNKT ĐK và tự động hóa C

1	2122150052	Trần Minh	Dương	Nam	20/04/2004	Quảng Ngãi	105	7,22	Khá
2	2122150061	Phạm Văn	Hùng	Nam	25/08/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	105	6,61	Khá

Lớp: CNKT ĐK và tự động hóa D

1	2122150067	Nguyễn Đức	Lộc	Nam	23/10/2004	Bình Định	105	7,06	Khá
2	2122150089	Trương Công	Lý	Nam	28/09/2004	Bình Định	105	7,12	Khá
3	2122150072	Trần Trung	Nguyên	Nam	20/07/2004	Đắk Lắk	105	6,95	Khá
4	2122150059	Nguyễn Tấn	Thành	Nam	16/05/2004	Bình Định	106	7,07	Khá
5	2122150055	Huỳnh	Thuận	Nam	18/09/2004	Bình Định	105	8,00	Giỏi
6	2122150084	Nguyễn Trọng	Trí	Nam	21/09/2004	Phú Yên	105	8,20	Giỏi
7	2122150092	Châu Thanh	Trọng	Nam	22/08/2004	Tiền Giang	105	7,94	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
8	2122150051	Hồ Đức	Trọng	Nam	02/07/2004	Bình Định	105	7,64	Khá
Công nghệ kỹ thuật nhiệt									
Lớp: Công nghệ KT nhiệt B									
1	2121180056	Cao Nhất	Danh	Nam	28/06/2003	Bình Định	105	7,32	Khá
2	2121180052	Đặng Văn	Thiên	Nam	11/06/2002	Bình Thuận	105	6,85	Khá
3	2122180057	Võ Trương	Đông	Nam	01/01/2004	Bình Định	105	7,01	Khá
Lớp: Công nghệ KT nhiệt C									
1	2121180083	Phạm Phước	Dự	Nam	27/10/2003	Quảng Ngãi	105	6,89	Khá
2	2121180079	Kiều Quốc	Thọ	Nam	24/06/2003	Ninh Thuận	105	7,12	Khá
3	2121180082	Lương Hồng	Vi	Nam	19/04/2003	Bình Định	105	7,03	Khá
4	2122180088	Lưu Văn	Thư	Nam	07/11/2004	Bình Định	105	7,20	Khá
Lớp: Công nghệ KT nhiệt A									
1	2121180021	Võ Cao	Bảo	Nam	13/08/2003	Bình Thuận	105	6,74	Khá
2	2121180022	Hồ Châu Ngọc	Hiếu	Nam	24/01/2003	Phú Yên	105	7,02	Khá
3	2121180009	Đặng Trung	Kiên	Nam	05/09/2003	Đồng Tháp	105	7,54	Khá
4	2121180008	Trần Văn	Mạnh	Nam	14/01/2003	Bình Định	105	6,94	Khá
5	2121180005	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	19/07/2003	Bình Thuận	105	7,50	Khá
6	2121180001	Đỗ Đan	Trường	Nam	18/08/2003	Bình Định	105	6,79	Khá
7	2122180002	Nguyễn Phương	Nam	Nam	18/06/2003	Long An	105	8,15	Giỏi
8	2122180022	Nguyễn Hoàng	Tú	Nam	26/02/2004	Bình Định	105	7,36	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật nhiệt (Điện lạnh) A									
1	2120180012	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	23/08/2001	Ninh Bình	92	6,97	Khá
2	2120180031	Lê Đan	Trường	Nam	20/01/2000	Bạc Liêu	93	7,02	Khá
Lớp: Điện Lạnh chất lượng cao									
1	2121180025	Nguyễn Lê Hoài	Nam	Nam	28/08/2003	Tây Ninh	105	7,43	Khá
Công nghệ thực phẩm									
Lớp: Công nghệ thực phẩm A									
1	2121210034	Nguyễn Thị Ái	Mỹ	Nữ	03/02/2003	Bình Định	105	6,94	Khá
2	2122210161	Hoàng Duy	Anh	Nam	18/06/2004	Nam Định	105	6,70	Khá
3	2122210169	Trần Thị Kim	Châu	Nữ	09/10/2003	Tây Ninh	105	8,00	Giỏi
4	2122210194	Huỳnh Ngọc Linh	Đan	Nữ	29/09/2004	Tiền Giang	105	6,90	Khá
5	2122210008	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	Nữ	18/05/2004	Tiền Giang	105	7,15	Khá
6	2122210038	Hồ Thị Bích	Dung	Nữ	17/03/2004	Gia Lai	105	7,15	Khá
7	2122210172	Lê Quỳnh	Giao	Nữ	18/02/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	105	7,37	Khá
8	2122210171	Nguyễn Minh	Khang	Nam	28/09/2004	Tây Ninh	105	7,22	Khá
9	2122210036	Hồ Yến	Linh	Nữ	11/09/2004	Bình Thuận	105	7,30	Khá
10	2122210167	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Nữ	19/10/2004	Bình Định	105	6,65	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
11	2122210016	Võ Ngọc Anh	Linh	Nữ	31/08/2004	Phú Yên	105	6.84	Khá
12	2122210035	Trần Bảo	Ly	Nữ	09/12/2004	Bình Thuận	105	7.24	Khá
13	2122210034	Võ Nguyễn Thảo	My	Nữ	22/02/2004	Tiền Giang	105	7.22	Khá
14	2122210030	Nguyễn Huỳnh Chi	Mỹ	Nữ	01/06/2004	Bình Thuận	105	7.19	Khá
15	2122210002	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	Nữ	14/07/2004	Long An	105	7.61	Khá
16	2122210025	Lê Thị Trúc	Nhi	Nữ	23/12/2004	Tiền Giang	105	7.24	Khá
17	2122210170	Nguyễn Thị	Như	Nữ	25/06/2004	Bình Thuận	105	7.50	Khá

Lớp: Công nghệ thực phẩm B

1	2120210051	Ngô Thị Yến	Nhi	Nữ	21/01/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	93	6.97	Khá
2	2121210060	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	20/08/2003	Long An	105	7.95	Khá
3	2121210042	Lê Thị Mỹ	Yên	Nữ	02/02/2003	Bình Định	105	7.49	Khá
4	2122210075	Phạm Ngọc	Diệp	Nữ	18/09/2004	Ninh Bình	105	7.16	Khá
5	2122210062	Đinh Thị Thùy	Dương	Nữ	17/07/2004	Đắk Lắk	105	6.80	Khá
6	2122210054	Đỗ Nguyễn Tuấn	Duy	Nam	29/09/2004	Tây Ninh	105	7.58	Khá
7	2122210057	Hồ Thị Thùy	Duyên	Nữ	22/08/2004	Bình Định	105	7.61	Khá
8	2122210060	Nguyễn Văn	Lập	Nam	01/10/2003	Đắk Lắk	105	6.52	Khá
9	2122210046	Nguyễn Thị	My	Nữ	27/09/2004	Bình Định	105	7.22	Khá
10	2122210061	Lê Thị Phương	Nam	Nữ	23/01/2004	Đồng Nai	105	7.68	Khá
11	2122210058	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	Nữ	17/10/2004	Long An	105	7.43	Khá
12	2122210175	Đỗ Thị Bích	Nguyệt	Nữ	26/04/2004	Gia Lai	105	6.97	Khá
13	2122210052	Lê Thanh	Quân	Nam	12/05/2004	Tây Ninh	105	8.05	Giỏi
14	2122210076	Mai Như	Quỳnh	Nữ	27/02/2004	Phú Yên	105	7.43	Khá
15	2122210067	Trần Thị Nghi	Thường	Nữ	20/11/2004	Quảng Ngãi	105	7.01	Khá
16	2122210040	Trần Thị Lệ	Thùy	Nữ	10/10/2004	Bình Thuận	105	7.47	Khá
17	2122210066	Lê Nguyễn Thu	Trang	Nữ	30/04/2004	Phú Yên	105	6.71	Khá
18	2122210050	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	25/08/2003	Tiền Giang	105	6.66	Khá

Lớp: Công nghệ thực phẩm C

1	2121210113	Dương Thị Hồng	Ngọc	Nữ	08/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	105	7.72	Khá
2	2122210106	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	08/08/2004	Phú Yên	105	7.31	Khá
3	2122210196	Nguyễn Gia	Hy	Nữ	16/07/2004	Cà Mau	105	7.93	Khá
4	2122210091	Hồ Thị	Kiều	Nữ	22/08/2004	Bình Định	105	7.24	Khá
5	2122210087	Nguyễn Thị	Mến	Nữ	13/07/2004	Bình Định	105	7.68	Khá
6	2122210114	Dương Thị Thùy	Ngân	Nữ	05/04/2004	Đồng Tháp	105	7.42	Khá
7	2122210101	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	21/05/2004	Ninh Thuận	105	7.47	Khá
8	2122210100	Trần Văn	Phát	Nam	18/06/2004	Bình Định	105	7.26	Khá
9	2122210102	Quách Thị Như	Phương	Nữ	24/09/2004	Bình Định	105	7.58	Khá
10	2122210095	Quách Thanh	Thanh	Nữ	19/05/2004	Sóc Trăng	105	7.11	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
-----	------	--------	-----	-----------	-----------	----------	----	---------	----------

Lớp: Công nghệ thực phẩm CLC

1	2122210158	Lê Thị Bích	Hân	Nữ	13/05/2004	Bến Tre	105	7,14	Khá
2	2122210155	Phạm Thị Thanh	Hằng	Nữ	26/04/2004	Bình Thuận	105	7,79	Khá
3	2122210166	Trần Hoàng	Khôi	Nam	27/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	105	7,36	Khá
4	2122210154	Bùi Thị Hằng	My	Nữ	28/04/2003	Bình Thuận	105	7,43	Khá
5	2122210157	Võ Thị Huệ	Thư	Nữ	12/10/2004	Tiền Giang	105	7,72	Khá
6	2122210159	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	29/11/2004	Bình Định	105	7,79	Khá

Lớp: Công nghệ thực phẩm D

1	2121210006	Châu Thị Thu	Kiều	Nữ	06/09/2003	Bình Định	105	7,24	Khá
2	2121210058	Võ Thị Cẩm	Ly	Nữ	20/12/2003	Đồng Tháp	105	7,72	Khá
3	2121210051	Hà Nhật	Quang	Nam	21/08/2003	Đồng Nai	105	7,12	Khá
4	2121210031	Huỳnh Thế	Vinh	Nam	07/12/2003	Bình Định	105	8,45	Giỏi
5	2122210126	Võ Ngọc	Đang	Nữ	14/08/2004	Sóc Trăng	105	6,68	Khá
6	2122210146	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	17/06/2004	Tp. Hồ Chí Minh	105	6,98	Khá
7	2122210116	Nguyễn Thị Thanh	Lan	Nữ	26/02/2004	Tiền Giang	105	7,30	Khá
8	2122210190	Hoàng Thị	Loan	Nữ	16/03/2004	Đắk Nông	105	8,09	Giỏi
9	2122210186	Nguyễn Võ Trà	My	Nữ	13/05/2004	Gia Lai	105	7,91	Khá
10	2122210136	Trần Thúy	Nga	Nữ	03/02/2004	Phú Yên	105	7,34	Khá
11	2122210153	Lê Thị Hồng	Ngọc	Nữ	11/04/2004	Quảng Ngãi	105	7,71	Khá
12	2122210137	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	18/09/2002	Tp. Hồ Chí Minh	105	8,04	Giỏi
13	2122210134	Hồ Hoàng Như	Phúc	Nữ	27/01/2004	Phú Yên	105	7,23	Khá
14	2122210123	Lê Thị	Phương	Nữ	16/01/2004	Bình Định	105	7,52	Khá
15	2122210135	Bùi Thị Bích	Quy	Nữ	30/09/2004	Phú Yên	105	7,16	Khá
16	2122210128	Trần Lê Quốc	Thịnh	Nam	11/02/2004	Bình Định	105	7,36	Khá
17	2122210130	Lê Thị Mỹ	Tinh	Nữ	04/08/2004	Bình Định	105	7,24	Khá
18	2122210188	Mai Hương	Trâm	Nữ	02/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	105	8,01	Giỏi
19	2122210120	Trần Nguyễn Lan	Trinh	Nữ	02/12/2004	Long An	105	6,99	Khá
20	2122210139	Lê Thanh	Trúc	Nữ	12/03/2004	Ninh Thuận	105	6,98	Khá
21	2122210121	Nguyễn Trương Dạ	Uyên	Nữ	15/09/2004	Bình Định	105	7,58	Khá
22	2122210118	Phạm Võ Như	Ý	Nữ	12/12/2004	Bình Định	105	7,25	Khá

Lớp: Công nghệ thực phẩm E

1	2122210003	Võ Thị Quỳnh	Như	Nữ	25/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh	105	7,47	Khá
2	2122210129	Nguyễn Văn Phương	Thảo	Nữ	29/03/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	105	7,83	Khá
3	2122210122	Phan Thị Anh	Thư	Nữ	24/04/2003	Trà Vinh	105	7,23	Khá
4	2122210012	Phạm Thị Ngọc	Trâm	Nữ	14/10/2004	Tiền Giang	105	7,83	Khá
5	2122210037	Trần Thị Thu	Trâm	Nữ	25/03/2004	Sóc Trăng	105	7,11	Khá
6	2122210033	Nguyễn Thị Quế	Trân	Nữ	08/06/2004	Trà Vinh	105	8,00	Giỏi

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
7	2122210022	Trần Thị Nhà	Trân	Nữ	18/03/2003	Tiền Giang	105	8,40	Giỏi
8	2122210077	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	19/12/2004	Bình Định	105	7,98	Khá
9	2122210068	Lê Thị Tuyết	Trinh	Nữ	07/02/2004	Bình Định	105	6,86	Khá
10	2122210065	Đoàn Huỳnh Như	Trúc	Nữ	25/05/2004	Bình Định	105	7,88	Khá
11	2122210174	Nguyễn Thuý	Vi	Nữ	20/03/2004	Bình Định	105	7,46	Khá

Lớp: Công nghệ thực phẩm F									
1	2122210138	Nguyễn Ngọc Tâm	Quyên	Nữ	08/02/2002	Bến Tre	105	7,26	Khá
2	2122210183	Võ Thuận	Thành	Nam	21/05/2004	Đồng Tháp	105	7,84	Khá
3	2122210083	Khổng Hà	Trâm	Nữ	27/10/2004	Bình Định	105	7,03	Khá
4	2122210107	Phan Thị Quỳnh	Trang	Nữ	29/10/2004	Gia Lai	105	7,25	Khá
5	2122210078	Trần Công	Trí	Nam	26/10/2004	Bình Định	105	8,21	Giỏi
6	2122210131	Lê Thị Ngọc	Trinh	Nữ	10/10/2003	Đồng Tháp	105	6,99	Khá
7	2122210141	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	Nữ	17/08/2004	Tây Ninh	105	6,80	Khá

Lớp: Đảm bảo chất lượng									
1	2120280014	Nguyễn Thị Trúc	Mai	Nữ	20/05/2002	Bình Định	92	6,78	Khá

Quản trị khách sạn									
--------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Lớp: Quản trị khách sạn A									
1	2119260001	Giang Thị Kim	Ánh	Nữ	28/09/2001	Bình Thuận	82	6,62	Khá
2	2120260015	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	Nữ	19/04/2002	Bạc Liêu	82	7,39	Khá
3	2121260006	Phan Chấn	Duy	Nam	20/04/2002	An Giang	95	6,69	Khá
4	2121260002	Trần Yến	Nhi	Nữ	01/01/2003	Bình Định	95	6,69	Khá
5	2121260001	Huỳnh Duy	Phong	Nam	03/11/2003	Bình Định	95	7,01	Khá
6	2122260024	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	14/12/2004	Bình Định	95	7,32	Khá
7	2122260006	Nguyễn Hoàng Tiến	Đạt	Nam	22/10/2004	Bến Tre	95	7,55	Khá
8	2122260003	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	29/09/2004	Bình Thuận	95	6,90	Khá
9	2122260124	Trần Trọng	Hiếu	Nam	10/01/2003	Đồng Nai	95	6,88	Khá
10	2122260025	Ngô Quang	Linh	Nam	25/06/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	6,83	Khá
11	2122260002	Chu Thị Nguyệt	Vy	Nữ	02/04/2004	Bình Thuận	95	7,83	Khá

Lớp: Quản trị khách sạn B									
1	2119260047	Lý Quang	Dũng	Nam	23/07/2001	Đắk Lắk	82	6,08	Trung bình
2	2121260062	Bùi Thị Cẩm	Loan	Nữ	07/01/2003	Bình Phước	95	6,79	Khá
3	2121260049	Lâm Nữ Tâm	Như	Nữ	14/02/2003	Ninh Thuận	95	6,78	Khá
4	2121260037	Hồ Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	01/10/2003	Phú Yên	95	7,13	Khá
5	2121260053	Trần Thị Tuyết	Sương	Nữ	18/06/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	6,80	Khá
6	2121260052	Nguyễn Thị Bích	Xuân	Nữ	12/11/2003	Đồng Nai	95	7,17	Khá
7	2122260062	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	15/03/2004	Lâm Đồng	95	7,47	Khá
8	2122260049	Ngô Thị Thùy	Hương	Nữ	10/01/2004	Bình Định	95	7,45	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
1	2121270035	Dương Phước	Hậu	Nam	14/08/2003	Đồng Tháp	95	7,18	Khá
2	2121270014	Từ Thanh	Nhân	Nam	23/12/2003	Đồng Nai	95	6,61	Khá
3	2121270024	Nguyễn Thị Xuân	Nương	Nữ	12/06/2003	Quảng Ngãi	95	6,78	Khá
4	2121270025	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	Nữ	04/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	6,43	Khá
5	2122270026	Võ Mai Ngọc	Hạnh	Nữ	22/02/2004	Bến Tre	95	7,30	Khá
6	2122270015	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	07/05/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	7,16	Khá
7	2122270005	Phạm Thị Mỹ	Huyền	Nữ	21/01/2004	Bến Tre	95	8,46	Giỏi
8	2122270027	Đặng Thanh Bảo	Ngọc	Nữ	07/10/2004	Tiền Giang	95	8,22	Giỏi
9	2122270010	Văn Thị	Nguyên	Nữ	14/06/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	6,74	Khá
10	2122270016	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	02/08/2004	Phú Yên	95	7,76	Khá
11	2122270030	Đỗ Nguyễn Hoa	Tinh	Nữ	29/09/2004	Bình Định	95	7,47	Khá
12	2122270022	Phạm Thị Thảo	Vi	Nữ	29/04/2004	Lâm Đồng	95	7,57	Khá

Lớp: Quản trị nhà hàng B

1	2119270048	Trần Thị Diễm	My	Nữ	04/06/2001	Đắk Lắk	82	6,63	Khá
2	2122270050	Trần Thị	Đạm	Nữ	30/12/2004	Ninh Thuận	95	8,50	Giỏi
3	2122270035	Đào Thị	Lệ	Nữ	19/04/2004	Bình Định	95	7,11	Khá
4	2122270051	Mai Thị Thanh	Phượng	Nữ	22/09/2004	Ninh Thuận	95	7,82	Khá
5	2122270046	Trương Thị Diễm	Thi	Nữ	12/04/2004	Bến Tre	95	7,95	Khá
6	2122270043	Võ Mỹ	Thuận	Nữ	17/10/2004	Bình Định	95	6,90	Khá
7	2122270034	Luận Thị Mỹ	Xuyên	Nữ	02/06/2004	Bình Định	95	6,90	Khá

Lớp: Quản trị nhà hàng C

1	2121270088	Nguyễn Thị Kim	Hương	Nữ	04/03/2003	Tiền Giang	95	7,35	Khá
2	2121270075	Trần Thị Thủy	Tiên	Nữ	11/09/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	6,85	Khá
3	2122270094	Nguyễn Quang	Huy	Nam	03/04/2004	Bình Định	95	7,40	Khá
4	2122270087	Lưu Thị Kim	Loan	Nữ	01/04/2002	Ninh Thuận	95	7,49	Khá
5	2122270100	Trần Thái	Thành	Nam	05/10/2004	Bình Định	95	7,17	Khá
6	2122270073	Lê Thị Thanh	Thảo	Nữ	29/11/2004	Bình Định	95	7,08	Khá
7	2122270088	Hồ Thị Ánh	Tuyết	Nữ	14/02/2004	Bình Định	95	7,64	Khá

Lớp: Quản trị nhà hàng CLC

1	2121270012	Dương Kim	Thuyền	Nữ	12/08/2003	Gia Lai	95	7,31	Khá
---	------------	-----------	--------	----	------------	---------	----	------	-----

Lớp: Quản trị nhà hàng D

1	2120270120	Lê Thị Hoài	Nhi	Nữ	03/09/2002	Bình Định	82	7,31	Khá
2	2122270110	Lê Thành	Đoàn	Nam	09/02/2003	Đắk Lắk	95	7,36	Khá
3	2122170598	Nguyễn Lê	Duy	Nam	15/10/2004	Phú Yên	95	8,44	Giỏi
4	2122270115	Nguyễn Thị Xuân	Hương	Nữ	05/12/2004	Bình Thuận	95	6,90	Khá
5	2122270147	Võ Bảo	Toàn	Nam	25/07/2004	Đồng Tháp	95	8,78	Giỏi
6	2122270121	Nguyễn Lê Hữu	Trúc	Nam	12/08/2004	Ninh Thuận	95	6,95	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
7	2122270120	Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	19/09/2004	Ninh Thuận	95	7,70	Khá
Lớp: Quản trị nhà hàng E									
1	2120270162	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	03/08/2002	Bình Định	82	6,83	Khá
2	2120270170	Trần Quốc	Tín	Nam	27/09/2002	Bình Thuận	82	7,02	Khá
3	2122270159	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	26/08/2003	Thanh Hoá	95	6,78	Khá
4	2122270157	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	02/04/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,44	Khá
5	2122270163	Từ Thị Duy	Tâm	Nữ	25/10/2004	Ninh Thuận	95	7,41	Khá
6	2122270150	Hồ Lương Huyền	Trân	Nữ	22/08/2004	Đồng Nai	95	7,18	Khá
7	2122270156	Lê Ngọc Quế	Trân	Nữ	06/07/2004	Tiền Giang	95	7,70	Khá
Kế toán									
Lớp: Kế toán A									
1	2119100011	Lê Thị Kim	Nguyệt	Nữ	10/03/2001	Bình Thuận	82	6,03	Trung bình
2	2120100010	Bùi Thị	My	Nữ	25/08/2002	Bình Thuận	86	7,50	Khá
3	2121100018	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	09/07/2003	Đồng Nai	95	6,78	Khá
4	2121100005	Nguyễn Cao	Hậu	Nam	13/04/2003	Trà Vinh	95	6,80	Khá
5	2121100024	Đinh Bảo	Kỳ	Nam	13/12/2003	Tiền Giang	95	6,66	Khá
6	2122100033	Phan Nghi	Bình	Nữ	21/03/2004	Long An	95	7,59	Khá
7	2122100009	Nguyễn Ngọc	Hạnh	Nữ	17/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,75	Khá
8	2122100318	Từ Thị Bích	Ngọc	Nữ	10/12/2004	Bình Thuận	95	7,91	Khá
9	2122100014	Nguyễn Trần Bảo	Phương	Nữ	22/09/2003	Bình Phước	95	8,25	Giỏi
10	2122100316	Lê Thị	Thủy	Nữ	14/10/2002	Hà Tĩnh	95	7,83	Khá
11	2122100015	Huỳnh Ngọc	Trâm	Nữ	14/10/2004	Long An	95	7,18	Khá
12	2122100013	Đặng Thị Hồng	Xuyến	Nữ	08/09/2004	Long An	95	7,61	Khá
Lớp: Kế toán B									
1	2119100065	Nguyễn Thị Tường	Vi	Nữ	01/01/2001	Bình Thuận	82	6,85	Khá
2	2122100058	Nguyễn Thị Kim	Đài	Nữ	15/07/2004	Ninh Thuận	95	6,55	Khá
3	2122100067	Huỳnh	Giao	Nữ	13/02/2004	Long An	95	6,86	Khá
4	2122100045	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	09/03/2003	Bình Phước	95	8,19	Giỏi
5	2122100039	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	28/02/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	6,89	Khá
6	2122100322	Trần Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	14/11/2004	Tiền Giang	95	7,50	Khá
7	2122100069	Trương Thị Như	Quỳnh	Nữ	08/01/2001	Quảng Trị	95	7,66	Khá
8	2122100068	Nguyễn Thị Hoàng	Thơ	Nữ	29/04/2004	Đồng Tháp	95	7,23	Khá
9	2122100048	Huỳnh Thị Ngọc	Trúc	Nữ	14/01/2004	Long An	95	7,53	Khá
10	2122100041	Phạm Ngọc Thanh	Tuyền	Nữ	14/11/2004	Đồng Nai	95	6,84	Khá
11	2122100040	Nguyễn Thị Bình	Yên	Nữ	18/12/2004	Đồng Nai	95	6,85	Khá
Lớp: Kế toán C									
1	2121100074	Lê Thị Mai	Anh	Nữ	25/01/2003	Lâm Đồng	95	6,93	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
2	2121100097	Trần Thị Phương	Dung	Nữ	21/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	97	8,03	Giỏi
3	2121100095	Lê Thị Uyên	Nhi	Nữ	20/11/2003	Quảng Trị	95	7,07	Khá
4	2122100324	Chu Nguyễn Xuân	An	Nữ	20/12/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,99	Khá
5	2122100085	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	20/10/2004	Quảng Ngãi	95	7,07	Khá
6	2122100075	Võ Mỹ	Hiên	Nữ	16/04/2004	Cà Mau	95	6,82	Khá
7	2122100100	Phạm Gia	Ngân	Nữ	19/05/2003	Quảng Ngãi	95	6,60	Khá
8	2122100098	Nguyễn Đào Bảo	Ngọc	Nữ	01/09/2004	Đắk Lắk	95	6,95	Khá
9	2122100078	Lê Thị Quỳnh	Như	Nữ	31/03/2004	Bình Thuận	95	7,53	Khá
10	2122100325	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	09/03/2004	Quảng Ngãi	95	7,33	Khá
11	2122100079	Võ Thị Thanh	Thúy	Nữ	17/07/2004	Ninh Thuận	95	8,43	Giỏi
12	2122100103	Đỗ Thị Ngọc	Uyên	Nữ	06/06/2004	Bến Tre	95	7,93	Khá
13	2122100105	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	18/08/2004	Bình Phước	95	7,91	Khá

Lớp: Kế toán D

1	2120100121	Nguyễn Trúc	Quỳnh	Nữ	11/09/2002	Khánh Hoà	86	6,92	Khá
2	2122100139	Nguyễn Thị Hồng	Châu	Nữ	15/12/2004	Tiền Giang	95	8,54	Giỏi
3	2122100109	Đào Tăng Ánh	Dương	Nữ	20/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,12	Khá
4	2122100129	Đỗ Thanh	Hòa	Nữ	20/12/2004	Bình Định	95	6,49	Khá
5	2122100131	Phạm Thị	Linh	Nữ	20/04/2004	Bình Dương	95	8,19	Giỏi
6	2122100111	Lê Ngọc	Mai	Nữ	07/02/2004	Bình Phước	95	7,36	Khá
7	2122100122	Lê Uyên	Nhi	Nữ	22/04/2004	Bình Định	95	7,71	Khá
8	2122100327	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	Nữ	01/05/2004	Đồng Nai	95	8,94	Giỏi
9	2122100136	Lê Thị	Tâm	Nữ	16/02/2003	Đắk Lắk	95	7,40	Khá
10	2122100130	Thái Thị Huyền	Tâm	Nữ	30/10/2004	Gia Lai	95	7,10	Khá
11	2122100137	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	18/02/2004	Tiền Giang	95	8,43	Giỏi
12	2122100115	Lê Thị Phương	Thùy	Nữ	26/03/2004	Tiền Giang	95	8,01	Giỏi

Lớp: Kế toán E

1	2119100145	Ngô Thị Lệ	Ly	Nữ	16/02/2001	Bình Thuận	82	7,14	Khá
2	2121100171	Trần Thị	Hiên	Nữ	28/02/2003	Bình Phước	95	8,19	Giỏi
3	2121100175	Trần Thị Huỷnh	Như	Nữ	19/09/2003	Tây Ninh	95	5,95	Trung bình
4	2122100148	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	Nữ	02/06/2004	Bình Định	95	7,43	Khá
5	2122100174	Nguyễn Thị Bích	Ngân	Nữ	31/10/2004	Khánh Hoà	95	6,84	Khá
6	2122100329	Lương Thị Thuý	Quỳnh	Nữ	21/08/2004	Hà Tĩnh	95	7,78	Khá
7	2122100173	Đinh Thị Diệu	Thúy	Nữ	05/10/2004	Lâm Đồng	95	7,63	Khá
8	2122100175	Ấu Vũ Như	Thùy	Nữ	22/10/2004	Quảng Ngãi	95	6,66	Khá
9	2122100171	Quách Thu	Trang	Nữ	14/08/2004	Lâm Đồng	95	7,10	Khá

Lớp: Kế toán F

1	2119100203	Huỳnh Thị Tú	Vi	Nữ	10/03/2001	Đắk Lắk	82	6,96	Khá
---	------------	--------------	----	----	------------	---------	----	------	-----

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
2	2121100204	Nông Thị Kiều	Oanh	Nữ	28/05/2003	Lâm Đồng	95	6,69	Khá
3	2122100330	Bá Thị Mai	Cương	Nữ	18/10/2004	Ninh Thuận	95	7,25	Khá
4	2122100187	Trần Thị Mỹ	Duyên	Nữ	21/08/2004	Bình Định	95	7,01	Khá
5	2122100182	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	28/09/2004	Lâm Đồng	95	7,23	Khá
6	2122100331	Nguyễn Thị Thuý	Nga	Nữ	12/02/2004	Lâm Đồng	95	7,35	Khá
7	2122100194	Hồ Thị	Ngọc	Nữ	13/01/2003	Đắk Lắk	95	7,51	Khá
8	2122100207	Nguyễn Trinh	Nữ	Nữ	14/04/2004	Bình Định	95	6,53	Khá
9	2122100208	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	04/09/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	7,32	Khá
10	2122100197	Nguyễn Thị Lệ	Thu	Nữ	04/09/2004	Bình Định	95	7,42	Khá
11	2122100195	Phạm Thị Ngọc	Trâm	Nữ	13/03/2004	Bến Tre	95	7,06	Khá
12	2122100190	Võ Ngọc Lan	Trinh	Nữ	30/04/2004	Bình Định	98	6,96	Khá

Lớp: Kế toán G

1	2122100224	Trương Thị Ngọc	Ánh	Nữ	02/11/2004	Đồng Nai	95	7,27	Khá
2	2122100239	Huỳnh Thị Xuân	Hòa	Nữ	21/11/2004	Bình Thuận	95	7,44	Khá
3	2122100216	Hồ Văn	Lâm	Nam	08/06/2004	Bình Thuận	95	6,85	Khá
4	2122100335	Chu Thị Thuý	Linh	Nữ	25/08/2004	Bình Phước	95	7,82	Khá
5	2122100227	Phạm Thị Xuân	Mai	Nữ	29/05/2004	Bình Phước	95	6,61	Khá
6	2122100383	Đỗ Thị Hồng	Thắm	Nữ	11/03/2004	Bình Phước	95	9,01	Xuất sắc
7	2122100240	Nguyễn Đoàn Bích	Thảo	Nữ	04/08/2004	Bình Định	95	6,45	Khá
8	2122130033	Thạch Thị Ngọc	Thảo	Nữ	02/04/2004	Lâm Đồng	95	6,66	Khá
9	2122100219	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	01/04/2004	Bình Định	95	7,47	Khá
10	2122100243	Vũ Thị Thu	Thùy	Nữ	19/05/2004	Bình Phước	95	8,32	Giỏi
11	2122100236	Nguyễn Thị Cẩm	Thy	Nữ	08/12/2004	Bình Định	95	6,79	Khá
12	2122100334	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	12/07/2004	Bình Phước	95	7,32	Khá
13	2122100218	Vũ Trần Ngọc	Uyển	Nữ	24/06/2004	Đồng Nai	95	7,07	Khá

Lớp: Kế toán H

1	2120100264	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	15/08/2001	Ninh Bình	86	6,53	Khá
2	2120100265	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	28/04/2002	Bình Phước	86	6,42	Khá
3	2122100257	Lê Hà Ngọc	Bích	Nữ	28/02/2004	Lâm Đồng	95	6,74	Khá
4	2122100258	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	01/01/2004	Lâm Đồng	95	7,89	Khá
5	2122100256	Nguyễn Ngọc Y	Bình	Nữ	23/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	8,53	Giỏi
6	2122100260	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	11/09/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	6,79	Khá
7	2122100251	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	20/03/2003	Thanh Hoá	95	8,14	Giỏi
8	2122100246	Lê Thị Bích	Nhận	Nữ	23/03/2004	Bình Định	95	7,28	Khá
9	2122100247	Trương Thị Mai	Thi	Nữ	05/05/2003	Ninh Thuận	95	7,57	Khá
10	2122100276	Võ Thị Cẩm	Thư	Nữ	20/02/2004	Đồng Nai	95	7,27	Khá
11	2122100250	Trần Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	03/04/2004	Phú Yên	95	6,51	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
12	2122100275	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	28/05/2004	Đắk Lắk	95	7,32	Khá
Lớp: Kế toán I									
1	2121100310	Tạ Châu	Thảo	Nữ	19/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,56	Khá
2	2121100299	Nguyễn Thị Mai	Vy	Nữ	05/05/2003	Bình Định	95	7,06	Khá
3	2122100283	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	01/01/2002	Quảng Ngãi	95	7,27	Khá
4	2122100280	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	17/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	6,91	Khá
5	2122030148	Trịnh Tấn	Phát	Nam	14/11/2004	Đồng Nai	95	6,75	Khá
6	2122100290	Nguyễn Thị Kim	Thỏa	Nữ	10/10/2002	Phú Yên	95	7,42	Khá
7	2122100385	Đổng Nguyễn Ngọc	Trân	Nữ	26/10/2004	Tây Ninh	95	6,82	Khá
8	2122100286	Trương Thị Lệ	Vy	Nữ	27/09/2003	Bình Định	95	6,55	Khá
Lớp: Kế toán J									
1	2120100318	Đặng Văn	Chí	Nam	08/04/2001	Bình Thuận	86	7,33	Khá
2	2120100336	Mai Ngọc	Thắm	Nữ	23/03/2002	Bình Định	86	6,52	Khá
3	2121240170	Đặng Thị Ngọc	Hoa	Nữ	02/09/2003	Hà Tĩnh	95	7,18	Khá
4	2121100317	Võ Thị	Như	Nữ	25/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,39	Khá
5	2122100388	Hồ Thị Chiêu	Anh	Nữ	21/02/2004	Gia Lai	95	7,61	Khá
6	2122100374	Nguyễn Ngọc Thùy	Duyên	Nữ	25/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,89	Khá
7	2122100345	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	18/01/2003	Phú Yên	95	8,69	Giỏi
8	2122100369	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	Nữ	16/10/2004	Đồng Tháp	95	8,24	Giỏi
9	2122100355	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	Nữ	19/01/2004	Lâm Đồng	95	7,53	Khá
10	2122100375	Phan Nguyễn Thùy	Hương	Nữ	22/04/2003	Gia Lai	95	8,90	Giỏi
11	2122100312	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Lê	Nữ	05/03/2004	Đắk Lắk	95	8,38	Giỏi
12	2122100361	Nguyễn Lê Hương	Mai	Nữ	04/10/2004	Hà Tĩnh	95	7,31	Khá
13	2122100365	Nguyễn Thị Kim	Phụng	Nữ	04/02/2002	Cần Thơ	95	9,09	Xuất sắc
14	2122100372	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	29/08/2004	Đồng Nai	95	9,28	Xuất sắc
15	2122100350	Phạm Võ Như	Tâm	Nữ	04/02/2004	Đắk Lắk	95	7,87	Khá
16	2122100370	Nguyễn Thị Kim	Thảo	Nữ	27/06/2004	Bình Thuận	95	6,96	Khá
17	2122100362	Đỗ Ngọc	Tiên	Nữ	29/09/2004	Bình Thuận	95	7,58	Khá
18	2122100348	Nguyễn Thị Phương	Trúc	Nữ	25/01/2003	Bình Phước	95	8,50	Giỏi
19	2122100387	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	Nữ	31/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	8,29	Giỏi
Lớp: Kế toán K									
1	2120100382	Hà Thị	Bé	Nữ	08/12/2002	Thanh Hoá	86	7,09	Khá
2	2122260005	Nguyễn Mỹ	Chi	Nữ	16/03/2004	Bình Thuận	95	7,87	Khá
3	2122100411	Trần Thị Thu	Nguyệt	Nữ	24/03/2004	Bình Định	95	6,69	Khá
4	2122100402	Đặng Thị Thu	Thảo	Nữ	03/10/2004	Đắk Nông	95	7,43	Khá
Tài chính - Ngân hàng									
Lớp: Tài chính - Ngân hàng A									

ĐƠN
TẬP
CÁI
CÔNG
THÀ
HỒ I

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
1	2122190003	Trần Ngọc Thủy	An	Nữ	22/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,81	Khá
2	2122190007	Trương Ngọc Thủy	Ân	Nữ	15/04/2004	Bình Thuận	95	6,97	Khá
3	2122190005	Nguyễn Thị Kim	Đài	Nữ	20/01/2004	Phú Yên	95	7,65	Khá
4	2122190026	Trần Thị Mỹ	Hân	Nữ	30/11/2004	Tiền Giang	95	7,23	Khá
5	2122190154	Dương Thị Bích	Hào	Nữ	20/09/2004	Bình Thuận	95	6,80	Khá
6	2122190009	Trần Văn	Hậu	Nam	01/11/2004	Ninh Thuận	95	7,96	Khá
7	2122190017	Lục Thị	Hoa	Nữ	13/05/2004	Cao Bằng	95	6,88	Khá
8	2122190021	Đồ Thị Quỳnh	Mai	Nữ	21/12/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	7,45	Khá
9	2122190010	Trần Thị Hồng	Thắm	Nữ	03/12/2004	Bình Thuận	95	6,69	Khá
10	2122190004	Nguyễn Lâm	Vũ	Nam	03/08/2004	Đồng Tháp	95	7,36	Khá
11	2122190029	Dương Thị Yến	Vy	Nữ	02/05/2004	Đồng Nai	95	7,12	Khá

Lớp: Tài chính - Ngân hàng B

1	2120190061	Đặng Vũ	Thịnh	Nam	16/08/1997	Phú Yên	82	6,29	Khá
2	2121190145	Châu Nữ Mỹ	Đình	Nữ	15/07/2003	Ninh Thuận	95	6,91	Khá
3	2121190065	Trương Ngọc Thanh	Thảo	Nữ	10/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,04	Khá
4	2122190048	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	Nữ	20/02/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	7,13	Khá
5	2122190047	Nguyễn Hoàng Khánh	Châu	Nữ	20/02/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	6,96	Khá
6	2122190062	Ka	Dum	Nữ	09/02/2004	Lâm Đồng	95	6,81	Khá
7	2122190035	Mai Văn	Duy	Nam	23/08/2004	Đắk Nông	95	7,22	Khá
8	2122190155	Phạm Thị Minh	Hậu	Nữ	22/08/2004	Bình Thuận	95	8,38	Giỏi
9	2122190051	Nguyễn Ngọc Thanh	Nhi	Nữ	15/07/2004	Bình Thuận	95	6,87	Khá
10	2122190036	Trần Minh	Thái	Nam	29/11/2004	Bến Tre	95	7,83	Khá

Lớp: Tài chính - Ngân hàng C

1	2120190081	Nguyễn Hữu	Phước	Nam	21/06/2001	Đắk Lắk	84	6,08	Trung bình
2	2121190084	Nguyễn Văn	Đức	Nam	07/06/2003	An Giang	95	6,77	Khá
3	2122190138	Đào Thị Ngọc	Ánh	Nữ	01/03/2004	Đắk Lắk	95	6,64	Khá
4	2122190073	Nguyễn Trần Cẩm	Diệp	Nữ	07/03/2004	Quảng Ngãi	95	7,37	Khá
5	2122190159	Lê Thanh	Duy	Nam	20/04/1996	Tây Ninh	96	6,71	Khá
6	2122190099	Lâm Thị Ngọc	Hân	Nữ	08/09/2002	Trà Vinh	95	7,96	Khá
7	2122190070	Phạm Kim	Hoàng	Nữ	22/05/2004	Tây Ninh	95	7,14	Khá
8	2122190082	Nguyễn Lương Trọng	Hữu	Nam	20/10/2004	Quảng Ngãi	95	7,24	Khá
9	2122190139	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	20/01/2004	Lâm Đồng	95	7,47	Khá
10	2122190078	Nguyễn Trần Mỹ	Nhi	Nữ	06/07/2004	Bình Định	96	6,34	Khá
11	2122190083	Lê Thị Kiều	Sang	Nữ	28/04/2004	Phú Yên	95	7,64	Khá
12	2122190137	Lê Huỳnh Cẩm	Tiên	Nữ	11/06/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,63	Khá
13	2122190069	Huỳnh Ngọc	Trâm	Nữ	03/07/2004	Bạc Liêu	96	6,96	Khá
14	2122190088	Nguyễn Thị Phương	Trinh	Nữ	20/11/2004	Quảng Ngãi	95	7,40	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Lớp: Tài chính - Ngân hàng CLC									
1	2122190086	Trần Thanh	Thương	Nữ	02/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	8,68	Giỏi
2	2122190127	Doanh Thị Hải	Yến	Nữ	24/12/2001	Bình Phước	95	7,28	Khá
Lớp: Tài chính - Ngân hàng D									
1	2121190115	Kiều Nữ Diễm	Quỳnh	Nữ	14/08/2003	Ninh Thuận	95	6,47	Khá
2	2121190152	Nguyễn Lê Trường	Sáng	Nam	17/12/2003	Bình Thuận	95	7,26	Khá
3	2121190113	Nguyễn Thị Bích	Vân	Nữ	30/12/2001	Đắk Lắk	95	7,52	Khá
4	2122190146	Nguyễn Thị Tường	An	Nữ	12/08/2004	An Giang	95	6,96	Khá
5	2122190124	Mai Thị Bích	Hằng	Nữ	24/08/2003	Bình Định	95	9,23	Xuất sắc
6	2122190102	Nguyễn Đình	Hiệp	Nam	02/01/2004	Quảng Ngãi	97	6,81	Khá
7	2122190107	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	12/11/2004	Bình Định	95	7,30	Khá
8	2122190126	Trịnh Thị Thanh	Nga	Nữ	27/08/2004	Bình Thuận	95	8,06	Giỏi
9	2122190106	Vô Thị Như	Quỳnh	Nữ	06/05/2004	Đắk Lắk	95	7,03	Khá
10	2122190123	Ka	Riên	Nữ	26/12/2003	Lâm Đồng	95	7,30	Khá
11	2122190157	Nguyễn Minh	Thiên	Nam	01/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,94	Khá
12	2122190119	Trịnh Hoài Nhã	Trúc	Nữ	03/02/2004	Bình Thuận	95	8,58	Giỏi
Quản trị kinh doanh									
Lớp: Quản trị KD tổng hợp A									
1	2122120024	Tạ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	11/10/2003	Gia Lai	95	7,23	Khá
2	2122120019	Hà Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	03/06/2001	Đồng Nai	95	6,97	Khá
3	2122120007	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	Nữ	28/05/2003	Đồng Nai	95	7,86	Khá
4	2122120030	Trần Thị Kiều	My	Nữ	29/02/2004	Phú Yên	95	7,03	Khá
5	2122120011	Hoàng Thị Cẩm	Ngân	Nữ	09/12/2003	Bình Thuận	95	6,70	Khá
6	2122120003	Vô Ngọc Phú	Quý	Nữ	15/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	95	6,96	Khá
7	2122120017	Vô Như	Quỳnh	Nữ	06/09/2003	Tiền Giang	95	7,11	Khá
8	2122120033	Đỗ Quang	Thuận	Nam	12/02/2004	Đồng Nai	95	7,10	Khá
9	2122120021	Nguyễn Thị Kiều	Vy	Nữ	04/04/2004	Bình Thuận	95	6,59	Khá
10	2122120016	Nguyễn Ngọc Như	Ý	Nữ	25/08/2004	Long An	95	6,62	Khá
Lớp: Quản trị KD tổng hợp B									
1	2121120070	Phan Thị Thanh	Hằng	Nữ	11/06/2003	Bình Định	95	6,91	Khá
2	2121120047	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	03/08/2003	Bình Thuận	95	6,98	Khá
3	2122120065	Trần Thị Như	Hào	Nữ	08/03/2004	Bình Định	95	6,52	Khá
4	2122120063	Phan Thị Mỹ	Huệ	Nữ	02/08/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	6,89	Khá
5	2122120054	Vô Văn	Khâm	Nam	03/03/2004	Quảng Ngãi	95	7,07	Khá
6	2122120068	Lưu Thị Trúc	Lê	Nữ	09/06/2004	Phú Yên	95	7,00	Khá
7	2122120070	Trần Nguyễn Bảo	Nghi	Nữ	13/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	6,72	Khá
8	2122120058	Đặng Quỳnh	Như	Nữ	21/01/2004	Bến Tre	95	7,14	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
9	2122120067	Hồ Thị Như	Quỳnh	Nữ	11/06/2004	Bình Thuận	95	6,81	Khá
10	2122120045	Lê Thị Lan	Thương	Nữ	02/01/2004	Đồng Nai	95	7,38	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp C

1	2121120083	Nguyễn Mạnh	Quân	Nam	24/12/2003	Bình Định	95	6,83	Khá
2	2121120079	Lê Thị Ngọc	Ý	Nữ	31/10/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	6,94	Khá
3	2122120080	Nguyễn Thị Bảo	Châu	Nữ	10/01/2004	Ninh Thuận	95	7,95	Khá
4	2122120075	Lê Thị Minh	Hòa	Nữ	05/02/2004	Đồng Nai	95	6,56	Khá
5	2122120094	Phạm Thị Trà	My	Nữ	30/04/2004	Đồng Nai	95	7,33	Khá
6	2122120105	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	17/12/2003	Bình Định	95	7,42	Khá
7	2122120095	Nguyễn Trang Thảo	Vy	Nữ	04/02/2004	Bình Định	95	6,99	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp CLC

1	2121122001	Lê Thị Huyền	Trang	Nam	27/07/2003	Lâm Đồng	95	7,26	Khá
2	2122120427	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	20/10/2004	Bình Phước	95	7,81	Khá
3	2122260122	Nguyễn Lê Hà	Giang	Nữ	19/12/2004	Bình Định	95	7,85	Khá
4	2122120439	Nguyễn Văn	Giáp	Nam	28/07/2004	Quảng Ngãi	95	6,91	Khá
5	2122120555	Biện Trần Khánh	Linh	Nữ	09/04/2004	Lâm Đồng	95	8,09	Giỏi
6	2122120436	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	26/05/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	7,98	Khá
7	2122120437	Vũ Thị Hoài	Thu	Nữ	06/03/2004	Bình Dương	95	7,23	Khá
8	2122120429	Trịnh Phước	Vĩ	Nam	29/03/2004	Đồng Tháp	95	8,19	Giỏi

Lớp: Quản trị KD tổng hợp D

1	2121120129	Võ Văn	Bình	Nam	19/04/2003	Quảng Ngãi	96	6,31	Khá
2	2121120126	Võ Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	27/12/2003	Đắk Lắk	95	6,77	Khá
3	2122120117	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	29/07/2004	Tiền Giang	95	7,40	Khá
4	2122120123	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	25/04/2004	Đắk Lắk	95	7,25	Khá
5	2122120110	Trương Mỹ Út	Ly	Nữ	28/06/2004	Đồng Nai	95	6,91	Khá
6	2122120002	Võ Thị Kiều	Trình	Nữ	16/11/2003	Phú Yên	95	8,46	Giỏi
7	2122120134	Lê Phan Diễm	Xuân	Nữ	01/12/2003	Đồng Nai	95	7,22	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp E

1	2121120160	Đỗ Thị Thu	Phương	Nữ	22/03/2003	Ninh Thuận	95	7,04	Khá
2	2121120150	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	01/01/2003	Bến Tre	95	6,32	Khá
3	2122120156	Diệp Tấn	Bồn	Nam	16/03/2004	Phú Yên	95	6,92	Khá
4	2122120164	Võ Thị Trường	Giang	Nữ	02/02/2004	Bình Thuận	95	6,89	Khá
5	2122120145	Hà Mỹ	Linh	Nữ	02/03/2004	Bình Định	95	7,55	Khá
6	2122120149	Phan Nguyễn Kiều	Nhi	Nữ	05/07/2004	Phú Yên	95	7,40	Khá
7	2122120150	Phan Thị Mỹ	Nhiên	Nữ	08/03/2003	Ninh Thuận	95	6,63	Khá
8	2122120165	Lâm Tâm	Như	Nữ	21/12/2004	Lâm Đồng	95	7,73	Khá
9	2122120148	Phan Thị Mỹ	Thơ	Nữ	13/02/2004	Bình Định	95	7,06	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
10	2122120489	Nguyễn Thị Thuý	Trâm	Nữ	29/09/2004	Bình Định	95	6,86	Khá
11	2122120146	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	Nữ	08/01/2004	Bình Định	95	7,31	Khá
Lớp: Quản trị KD tổng hợp F									
1	2121120193	Nguyễn Kim	Bình	Nữ	14/02/2003	Đồng Tháp	95	7,64	Khá
2	2121120188	Phan Nguyễn Ngọc	Hiếu	Nữ	14/09/2003	Phú Yên	95	6,73	Khá
3	2121120192	Phạm Thị Thanh	Nhàn	Nữ	10/12/2003	Bình Định	95	6,71	Khá
4	2122120196	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	15/09/2003	Đắk Lắk	95	7,11	Khá
5	2122120188	Võ Minh	Diệp	Nam	14/02/2004	Bình Định	95	7,46	Khá
6	2122120181	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	Nữ	01/11/2004	Bình Định	95	6,79	Khá
7	2122120174	Nguyễn Hoàng	Liêm	Nam	22/01/2003	Bình Dương	95	8,15	Giỏi
8	2122120186	Trương Hoàng Tú	Linh	Nữ	20/11/2004	Bình Định	95	6,71	Khá
9	2122120440	Bùi Thị Kim	Thanh	Nữ	19/06/2003	Nghệ An	95	8,22	Giỏi
10	2122120492	Nguyễn Tường	Vi	Nữ	22/02/2004	Bình Định	95	6,89	Khá
11	2122120495	Lê Hải	Vy	Nữ	25/04/2004	Sóc Trăng	95	7,75	Khá
12	2122120175	Phan Thị Lan	Vy	Nữ	30/09/2004	Bình Định	95	7,15	Khá
Lớp: Quản trị KD tổng hợp G									
1	2121120215	Châu Kim Quế	Quỳnh	Nữ	10/04/1999	Kiên Giang	95	8,82	Giỏi
2	2122120211	Nguyễn Thị Xuân	Diệu	Nữ	26/06/2004	Bình Định	95	6,97	Khá
3	2122120228	Phan Thanh	Hậu	Nam	12/11/2004	Bình Định	95	7,13	Khá
4	2122120232	Hồ Thanh	Phúc	Nam	01/09/2003	Tiền Giang	95	8,29	Giỏi
Lớp: Quản trị KD tổng hợp H									
1	2121120263	Nguyễn Thị Kim	Lựu	Nữ	12/11/2003	Quảng Ngãi	95	7,24	Khá
2	2121120276	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	14/08/2003	Gia Lai	95	6,91	Khá
3	2122120247	Nguyễn Kim	Chi	Nữ	05/12/2003	Bình Dương	95	7,86	Khá
4	2122120272	Trần Thị Nhật	Diễm	Nữ	17/11/2004	Bình Định	95	7,21	Khá
5	2122120245	Đinh Thị	Hải	Nữ	06/10/2003	Hà Tĩnh	95	6,65	Khá
6	2122120244	Trần Thị Thảo	Ly	Nữ	26/07/2004	Bình Phước	97	6,90	Khá
7	2122120254	Nguyễn Thùy	Ngân	Nữ	24/04/2004	Quảng Ngãi	97	6,56	Khá
8	2122120241	Đỗ Thị	Quyên	Nữ	28/01/2004	Quảng Ngãi	95	7,13	Khá
9	2122120249	Ngô Văn	Tài	Nam	17/12/2004	Lâm Đồng	95	6,71	Khá
10	2122120262	Cao Thị Phương	Thảo	Nữ	26/03/2004	Quảng Ngãi	95	7,01	Khá
11	2122120242	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	28/09/2004	Lâm Đồng	97	7,93	Khá
12	2122120442	Phạm Thị Xuân	Tuyền	Nữ	28/05/2004	Đắk Lắk	95	7,46	Khá
Lớp: Quản trị KD tổng hợp I									
1	2121120302	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	Nữ	20/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,06	Khá
2	2122120296	Trần Thị Thanh	Diệu	Nữ	26/08/2004	Bình Định	95	7,17	Khá
3	2122120301	Lê Thị Thu	Giang	Nữ	28/05/2004	Bình Định	95	7,05	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
4	2122120303	Dương Hiền	Mai	Nữ	06/10/2004	Quảng Ngãi	95	7,55	Khá
5	2122120287	Bùi Thanh	Ngân	Nữ	19/01/2004	Bình Định	95	6,94	Khá
6	2122120293	Nguyễn Thị Minh	Nghĩa	Nữ	02/09/2004	Bình Định	95	6,81	Khá
7	2122120307	Đỗ Thị Kim	Oanh	Nữ	06/07/2004	Đồng Nai	95	6,50	Khá
8	2122120286	Dương Thanh	Phát	Nam	30/07/2004	Tây Ninh	95	7,30	Khá
9	2122120290	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	Nữ	14/08/2004	An Giang	95	7,34	Khá
10	2122120305	Lê Thị Minh	Tâm	Nữ	08/04/2003	Phú Yên	95	7,64	Khá
11	2122120281	Phạm Thùy	Trang	Nữ	10/10/2004	Bình Định	95	6,87	Khá
12	2122120277	Trần Thị Thảo	Vy	Nữ	30/08/2004	Tiền Giang	95	6,98	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp J

1	2121120323	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	02/03/2003	Đồng Nai	95	7,00	Khá
2	2121120337	Hoàng Nhật	Minh	Nam	10/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	95	6,58	Khá
3	2121120328	Lê Thị Kim	Ngọc	Nữ	10/09/2003	Long An	95	6,43	Khá
4	2122120311	Lê Quý	An	Nam	23/09/2004	Đắk Lắk	96	6,43	Khá
5	2122120502	Phạm Tuấn	Anh	Nam	13/06/2004	Bình Phước	95	7,44	Khá
6	2122120334	Nguyễn Khắc	Hải	Nam	22/05/2004	Bình Định	95	6,87	Khá
7	2122120318	Nguyễn Văn	Nhân	Nam	21/09/2003	Tiền Giang	95	6,80	Khá
8	2122120319	Trần Thị Mỹ	Trình	Nữ	29/04/2004	Quảng Ngãi	95	7,41	Khá
9	2122120314	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	17/12/2003	Đồng Nai	95	6,90	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp K

1	2121120385	Lê Thị	Diệp	Nữ	23/02/2003	Bình Phước	95	7,09	Khá
2	2121172007	Phan Công	Hiền	Nam	26/01/2003	Bình Định	95	6,79	Khá
3	2122120348	Lê Thị Thu	Ngân	Nữ	30/09/2004	Bình Định	95	7,49	Khá
4	2122120361	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	26/01/2004	Bình Dương	95	7,23	Khá
5	2122120364	Hồ Ngọc	Thắng	Nam	23/07/2004	Bình Định	95	7,02	Khá
6	2122120371	Đỗ Nguyễn Ngọc	Thiện	Nữ	08/07/2004	Bình Định	95	6,88	Khá
7	2122120367	Hoàng Thị	Thương	Nữ	02/02/2004	Đắk Lắk	95	6,85	Khá
8	2122120363	Hồ Bùi Tố	Uyên	Nữ	28/08/2003	Bình Định	95	7,10	Khá
9	2123120657	Hà Thanh Duy	Diễn	Nam	01/02/2002	Long An	90	6,98	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp L

1	2122120378	Dương Thị	Hồng	Nữ	11/08/2004	Bình Định	95	7,14	Khá
2	2122120387	Lê Hoàng Đăng	Khoa	Nam	05/11/2004	Đắk Lắk	95	6,60	Khá
3	2122120405	Nguyễn Hoài	Mộng	Nam	27/04/2004	Cà Mau	95	7,29	Khá
4	2122120402	Nguyễn Ngọc	Triệu	Nam	29/04/2004	Bình Định	95	7,66	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp M

1	2121120451	Đặng Lê Nguyên	Khang	Nam	07/04/2003	Lâm Đồng	95	6,74	Khá
2	2121120426	Nguyễn Trí	Lực	Nam	07/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,20	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
3	2121120595	Trương Thị Bích	Trâm	Nữ	04/03/2003	Long An	95	7,68	Khá
4	2122120423	Hồ Thị Thảo	Hiền	Nữ	18/12/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	7,20	Khá
5	2122120452	Nông Thị Ngọc	Huyền	Nữ	23/05/2004	Bình Phước	95	7,91	Khá
6	2122120454	Lương Thị Kim	Oanh	Nữ	26/11/2004	Bình Phước	95	8,03	Giỏi
7	2122120455	Nguyễn Đỗ Hữu	Phú	Nam	10/08/2004	Bình Định	95	6,66	Khá
8	2122120444	Trương Ngọc Linh	Quy	Nữ	15/07/2004	Phú Yên	95	7,13	Khá
9	2122120425	Nguyễn Tuyền	Quyên	Nữ	28/08/2004	Gia Lai	95	8,56	Giỏi
10	2122120443	Lý Thị Anh	Thom	Nữ	01/01/2004	Ninh Thuận	95	6,85	Khá
11	2122100234	Vũ Thị	Thương	Nữ	03/07/2004	Đắk Lắk	95	6,75	Khá
12	2122120424	Phạm Ngọc	Trâm	Nữ	08/01/2004	Gia Lai	95	8,25	Giỏi
13	2122120418	Phạm Lê Như	Ý	Nữ	30/04/2004	Quảng Ngãi	95	7,28	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp N

1	2122120471	Huỳnh Thị Hồng	Diệu	Nữ	04/01/2004	Quảng Ngãi	95	6,36	Khá
2	2122120468	Nguyễn Thị Kim	Loan	Nữ	06/02/2004	Quảng Ngãi	95	6,62	Khá
3	2122120457	Trần Nguyễn Trúc	Ngân	Nữ	21/04/2004	Bình Thuận	95	6,49	Khá
4	2122120460	Quách Hồng	Nghĩa	Nam	21/06/2004	An Giang	95	7,94	Khá
5	2122120456	Lê Tài	Tâm	Nam	01/07/2004	Đắk Lắk	95	8,06	Giỏi
6	2122120473	Lê Thị Hồng	Thắm	Nữ	04/10/2004	Ninh Thuận	95	7,23	Khá
7	2122120520	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	20/03/2004	An Giang	95	7,33	Khá
8	2122120519	Nguyễn Thị Trúc	Vy	Nữ	20/03/2004	An Giang	95	7,26	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp O

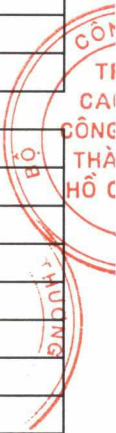
1	2122120527	Trịnh Bội	Anh	Nữ	19/12/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	8,01	Giỏi
2	2122120537	Nguyễn Hoàng Phương	Quyên	Nữ	20/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	8,14	Giỏi
3	2122120526	Trần Vi Như	Quỳnh	Nữ	10/09/2004	Đắk Lắk	95	7,46	Khá
4	2122120541	Trang Thu	Thảo	Nữ	02/06/2003	Đồng Nai	95	7,04	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp P

1	2121120549	Đặng Thị Tuyết	Nhi	Nữ	23/11/2003	Đồng Nai	95	8,09	Giỏi
2	2121120541	Lê Thị Hải	Yến	Nữ	10/05/2003	Hà Tĩnh	95	7,37	Khá
3	2122110403	Nguyễn Lê Trúc	Ly	Nữ	22/02/2004	Quảng Ngãi	95	7,38	Khá
4	2122170326	Bùi Quang	Minh	Nam	17/11/2004	Lâm Đồng	95	7,40	Khá
5	2122120567	Lê Thị Kiều	Ngân	Nữ	20/02/2004	Phú Yên	95	7,38	Khá
6	2122120568	Đào Trúc	Như	Nữ	03/05/2004	Phú Yên	95	7,13	Khá
7	2122120558	Phạm Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	29/07/2004	Lâm Đồng	95	7,82	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp Q

1	2121120590	Lê Thị Mỹ	Huyền	Nữ	09/07/2001	Tiền Giang	95	6,83	Khá
2	2121120567	Nguyễn Thị Trà	Mỹ	Nữ	27/04/2003	Quảng Ngãi	95	7,12	Khá
3	2121120591	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	17/12/2003		95	6,97	Khá



STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Lớp: Quản trị KD tổng hợp R									
1	2121120624	Nguyễn Thị Thủy	Nga	Nữ	23/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,62	Khá
Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp B									
1	2119120051	Đinh Trần Lê	Nguyên	Nữ	15/02/2001	Phú Yên	82	6,68	Khá
Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp C									
1	2120120162	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	21/08/2002	Đồng Nai	82	6,80	Khá
Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp D									
1	2119120128	Nguyễn Hồng	Son	Nam	24/06/2001	Đắk Lắk	82	6,23	Trung bình
Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp E									
1	2119170047	Nguyễn Văn	Lập	Nam	14/11/2001	Đồng Nai	82	6,56	Khá
Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp G									
1	2119120225	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Nữ	10/03/2000	Quảng Trị	82	6,72	Khá
2	2120120236	Quản Ngọc Anh	Thư	Nữ	15/11/2002	Đồng Nai	82	7,58	Khá
Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp I									
1	2120120304	Phan Thị Ngọc	Thắm	Nữ	17/06/2002	Quảng Ngãi	83	6,77	Khá
Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp J									
1	2119120319	Đặng Ngọc	Bảo	Nam	09/09/1999	Bình Định	82	6,92	Khá
2	2119120336	Nguyễn Thanh	Phúc	Nam	20/03/2001	Quảng Ngãi	82	6,81	Khá
3	2120120336	Lục Thị	Quế	Nữ	06/05/2002	Lâm Đồng	82	6,99	Khá
4	2120120347	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	22/11/2001	Kon Tum	82	7,02	Khá
Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp M									
1	2119120471	Đặng Thanh	Thùy	Nữ	12/05/2001	Tp. Hồ Chí Minh	82	6,98	Khá
Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp N									
1	2119170103	Hoàng Văn	Chương	Nam	08/02/2001	Đắk Lắk	82	6,95	Khá
2	2119120656	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	14/07/2000	Bình Phước	82	7,33	Khá
Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp O									
1	2120120496	Trần Đình	Hùng	Nam	02/07/2002	Hà Tĩnh	82	6,97	Khá
2	2120120519	Lê Huỳnh Quốc	Việt	Nam	04/10/2002	Đồng Nai	82	6,70	Khá
Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp P									
1	2120120709	Nguyễn Mậu Tuấn	Anh	Nam	14/08/2002	Đồng Tháp	82	6,74	Khá
Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp R									
1	2120190062	Trần Ngọc Anh	Thư	Nữ	02/12/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	82	6,74	Khá
Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu A									
1	2121200005	Phạm Hoàng	Huy	Nam	15/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	6,66	Khá
2	2121200011	Hoàng Ngọc Phương	Thúy	Nữ	17/11/2003	Quảng Ngãi	95	7,09	Khá
3	2122200025	Nguyễn Thị Diệu	Băng	Nữ	25/04/2004	Long An	95	7,15	Khá
4	2122200006	Huỳnh Bảo	Châu	Nữ	11/03/2004	Bình Thuận	95	7,20	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
5	2122200003	Tô Thị Mỹ	Linh	Nữ	18/09/2003	Bình Định	95	6,83	Khá
6	2122200004	Hà Thị Trúc	Ly	Nữ	30/05/2003	Kiên Giang	95	7,47	Khá
7	2122200016	Lê Nguyễn Uyên	Nhi	Nữ	31/10/2004	Đồng Nai	96	6,71	Khá
8	2122200027	Cao Thị Bích	Phượng	Nữ	29/05/2004	Long An	95	7,06	Khá
9	2122200034	Nguyễn Kỳ	Quyên	Nữ	17/01/2004	Bình Định	95	6,97	Khá
10	2122200008	Trần Thị Lệ	Thắm	Nữ	17/01/2004	Bình Định	96	7,15	Khá
11	2122200020	Lê Minh	Thành	Nam	27/04/2004	Bến Tre	95	7,13	Khá
12	2122120234	Lê Thị Lệ	Văn	Nữ	14/05/2004	Phú Yên	95	7,11	Khá

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu B

1	2121200039	Nguyễn Thị Thảo	Hiền	Nữ	05/08/2003	Đồng Nai	95	7,29	Khá
2	2121200036	Phạm Thị Cẩm	Tú	Nữ	14/08/2003	Bình Thuận	95	6,45	Khá
3	2121200046	Nguyễn Thị Mỹ	Vy	Nữ	18/10/2003	Quảng Ngãi	95	7,07	Khá
4	2122200055	Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	31/10/2004	Quảng Ngãi	95	6,96	Khá
5	2122200045	Trần Thị Lan	Phương	Nữ	28/09/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	6,56	Khá
6	2122200062	Trương Thị	Phượng	Nữ	05/03/2004	Bình Định	95	6,29	Khá
7	2122200041	Trần Thị	Sen	Nữ	30/10/2004	Gia Lai	95	7,12	Khá
8	2122200051	Lê Thị Mỹ	Thị	Nữ	17/06/2004	Phú Yên	95	7,31	Khá
9	2122200064	Nguyễn Thị Thanh	Thị	Nữ	05/09/2004	Bình Định	95	6,63	Khá
10	2122200044	Hồ Thị Phước	Thọ	Nữ	22/09/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	96	6,23	Trung bình
11	2122200047	Châu Ngọc	Trình	Nữ	05/02/2003	Tây Ninh	95	7,63	Khá
12	2122200038	Lê Thị Như	Ý	Nữ	26/10/2004	Đồng Nai	95	7,18	Khá

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu C

1	2121200199	Khuất Quang	Minh	Nam	27/07/2003	Đắk Lắk	95	6,38	Khá
2	2121200091	Lê Hồng	Mơ	Nữ	21/10/2003	Bình Thuận	95	6,39	Khá
3	2121200099	Phạm Thị Bích	Thùy	Nữ	16/11/2003	Phú Yên	95	6,84	Khá
4	2121200081	Trần Nữ Quỳnh	Trang	Nữ	07/01/2003	Quảng Ngãi	96	6,61	Khá
5	2122200088	Huỳnh Thị Bích	Duyên	Nữ	09/10/2004	Bình Thuận	95	6,94	Khá
6	2122200087	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	Nữ	29/08/2004	Bình Định	96	6,62	Khá
7	2122200091	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	12/02/2004	Long An	95	6,83	Khá
8	2122200094	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	Nữ	19/09/2004	Bình Thuận	95	8,15	Giỏi
9	2122200095	Vũ Thị	Minh	Nữ	19/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,67	Khá
10	2122200071	Trần Tiểu	My	Nữ	30/09/2004	Quảng Ngãi	95	6,54	Khá
11	2122200083	Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	20/07/2004	Bình Định	95	6,57	Khá
12	2122200099	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Nữ	06/08/2004	Bình Định	95	7,42	Khá

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu CLC

1	2121200126	Nguyễn Thị Kim	Hồng	Nữ	20/03/2003	Đồng Nai	95	8,31	Giỏi
2	2122200097	Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	09/03/2004	Long An	95	6,79	Khá

3
ƯƠNG
ĐẢNG
THƯ
PH
MINH



STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
3	2122200169	Trần Lê Diễm	Quỳnh	Nữ	07/09/2004	Bình Thuận	95	7,80	Khá
Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu D									
1	2121200107	Lương Thị Kim	Ngân	Nữ	08/09/2003	Bình Định	95	7,80	Khá
2	2121200120	Lê Thị Thảo	Nguyên	Nữ	27/02/2003	Đồng Nai	95	6,54	Khá
3	2121200140	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	19/10/2003	Phú Yên	95	6,79	Khá
4	2122210113	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	29/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	6,93	Khá
5	2122200107	Phan Thị Quỳnh	Anh	Nữ	22/11/2004	Đồng Nai	96	6,65	Khá
6	2122200128	Huỳnh Thị Xa	Lam	Nữ	22/06/2004	Bến Tre	95	7,06	Khá
7	2122200238	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	Nữ	08/02/2004	Bình Định	95	6,59	Khá
8	2122200126	Hoàng Phùng Thị	Thảo	Nữ	15/03/2004	Đắk Lắk	95	6,59	Khá
9	2122200138	Võ Thị Thu	Thảo	Nữ	14/09/2004	Bình Thuận	95	7,34	Khá
10	2122200134	Lê Thị Thu	Thường	Nữ	28/04/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	8,19	Giỏi
11	2122200136	Lưu Ngọc Thiên	Trình	Nữ	18/12/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	6,82	Khá
12	2122200121	Quách Thị Ngọc	Trình	Nữ	01/12/2003	An Giang	95	6,91	Khá
13	2122200127	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	02/10/2004	Ninh Thuận	96	7,06	Khá
Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu E									
1	2119200143	Nguyễn Thái	Hòa	Nam	17/06/2001	Bình Định	82	6,78	Khá
2	2121200143	Nguyễn Đăng	Lưu	Nam	17/01/2003	Bình Định	96	6,73	Khá
3	2122200145	Nguyễn Thủy	Hằng	Nữ	14/08/2004	Bình Định	95	7,21	Khá
4	2122190015	Phạm Yến	Ly	Nữ	01/01/2004	Quảng Ngãi	95	7,43	Khá
5	2122200149	Nguyễn Thị	Mùi	Nữ	27/06/2004	Bình Định	95	7,77	Khá
6	2122200144	Nguyễn Thị Thùy	My	Nữ	12/07/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	6,68	Khá
7	2122200205	Đặng Thị Kim	Ngân	Nữ	25/10/2004	Bến Tre	95	7,21	Khá
8	2122200150	Nguyễn Thị Mỹ	Sanh	Nữ	10/03/2003	Bình Định	95	7,93	Khá
9	2122200207	Dương Thị Thanh	Thảo	Nữ	11/06/2004	Bình Thuận	95	7,93	Khá
10	2122120417	Văn Thị	Vy	Nữ	29/09/2004	Bình Định	95	6,99	Khá
Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu F									
1	2120200186	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	26/10/2001	Bình Định	82	8,15	Giỏi
2	2120200200	Trần Thị	Thu	Nữ	02/10/2002	Bình Định	84	7,54	Khá
3	2121050006	Trần Văn	Luân	Nam	03/11/2003	Bình Phước	95	6,88	Khá
4	2122200177	Đặng Lý Thiên	Kim	Nữ	20/02/2004	Bình Thuận	95	7,80	Khá
5	2122200187	Bùi Thị Thùy	Linh	Nữ	09/09/2004	Quảng Ngãi	95	7,51	Khá
6	2122200220	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	05/11/2004	Gia Lai	95	7,69	Khá
7	2122200178	Đặng Yến	Nhi	Nữ	20/09/2004	Bình Thuận	95	7,91	Khá
8	2122200212	Dương Thị Huỳnh	Như	Nữ	28/09/2004	Kiên Giang	96	6,74	Khá
9	2122120099	Võ Lưu	Phương	Nữ	19/03/2004	Phú Yên	95	8,47	Giỏi
10	2122200184	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	26/10/2003	Đắk Lắk	95	6,92	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu G									
1	2122200222	Trần Hà Khánh	Chi	Nữ	17/02/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	7,72	Khá
2	2122200226	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	Nữ	18/10/2004	Tây Ninh	95	7,50	Khá
3	2122200244	Nguyễn Hữu	Lễ	Nam	14/10/2002	Đắk Lắk	95	7,39	Khá
4	2122200195	Vũ Thị	Phượng	Nữ	18/02/2004	Nghệ An	95	7,65	Khá
5	2122200227	Đoàn Thị Mỹ	Viên	Nữ	14/06/2004	Đắk Lắk	95	7,10	Khá
Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu H									
1	2119110152	Trần Phước	Sang	Nam	26/09/2000	Đồng Nai	82	6,29	Khá
2	2119200261	Lê Văn	Việt	Nam	28/08/2001	Thái Nguyên	82	6,51	Khá
3	2120200263	Nguyễn Hữu	Nhàng	Nam	18/12/2002	Bình Định	82	7,01	Khá
Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu I									
1	2120200300	Nguyễn Thanh	Đoan	Nam	08/03/2001	Phú Yên	82	6,81	Khá
2	2120200313	Lê Minh	Thúy	Nữ	19/03/2002	Bình Định	82	6,11	Trung bình
Tiếng Anh									
Lớp: Tiếng Anh A									
1	2121240013	Đào Thị Tuyết	Mai	Nữ	01/02/2003	Lâm Đồng	95	6,64	Khá
2	2121240028	Nguyễn Hoàng Bảo	Nguyên	Nữ	13/01/2003	Bình Thuận	95	7,26	Khá
3	2121240025	Ngô Thị Hồng	Xuyến	Nữ	30/12/2003	Tiền Giang	95	7,10	Khá
4	2122240031	Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	01/10/2001	Nam Định	95	7,85	Khá
5	2122240016	Nguyễn Thanh	Thư	Nữ	10/12/2004	Bình Thuận	95	8,19	Giỏi
Lớp: Tiếng Anh B									
1	2119240037	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	Nữ	01/11/2001	Phú Yên	92	6,90	Khá
2	2120240037	Hồ Thị Thu	Hiền	Nữ	26/01/2002	Phú Yên	92	6,64	Khá
3	2120240043	Nguyễn Dương	Khang	Nam	01/07/2000	Bình Thuận	92	8,52	Khá
4	2121240034	Trần Thị An	Phúc	Nữ	12/12/2003	Trà Vinh	95	7,20	Khá
5	2122240061	Phạm Hoàng Xuân	Mai	Nữ	25/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	96	6,61	Khá
Lớp: Tiếng Anh C									
1	2120240080	Trương Thị Thu	Thủy	Nữ	07/01/2002	Đồng Nai	92	7,23	Khá
2	2120240211	Phan Nữ Thủy	Tiên	Nữ	15/02/2002	Đắk Lắk	92	7,72	Khá
3	2121240068	La Thị	Đào	Nữ	29/08/2003	Bình Định	95	7,09	Khá
4	2121240083	Phạm Thị Thu	Nga	Nữ	27/10/2003	Phú Yên	95	7,05	Khá
5	2121240062	Huỳnh Mỹ Giao	Vy	Nữ	15/08/2003	Bình Định	95	6,75	Khá
6	2122240068	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	Nữ	10/06/2003	Đồng Nai	95	8,23	Giỏi
7	2122240077	Nguyễn Ngọc Kiều	Hương	Nữ	05/05/2003	Đồng Nai	95	7,89	Khá
8	2122240072	Lê Hoàng	Khương	Nam	28/05/2001	An Giang	95	8,73	Giỏi
Lớp: Tiếng Anh chất lượng cao									
1	2121242004	Đặng Linh	Chi	Nữ	08/02/2003	Đồng Nai	99	6,73	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Lớp: Tiếng Anh D									
1	2120240094	Trần Phát	Đạt	Nam	14/11/2002	Tây Ninh	92	7,53	Khá
2	2121240098	Vũ Thị Ngọc	Anh	Nữ	24/08/2002	Hải Dương	95	7,53	Khá
3	2121240105	Dương Thị Ngọc	Ánh	Nữ	29/10/2003	Hà Tĩnh	95	7,59	Khá
4	2121240112	Bùi Thị Thanh	Hà	Nữ	07/12/2003	Bình Thuận	95	6,66	Khá
5	2121240100	Cao Thị Xuân	Hà	Nữ	01/09/2003	Đắk Lắk	95	7,11	Khá
6	2121240118	Đường Minh	Hiền	Nữ	20/01/2003	Ninh Thuận	95	7,81	Khá
7	2121240102	Vũ Quỳnh	Như	Nữ	17/01/2003	Đồng Nai	95	7,36	Khá
8	2121240114	Lý Thị Ngọc	Quý	Nữ	02/10/2003	Tiền Giang	95	6,71	Khá
9	2121240110	Trương Thúy	Vy	Nữ	15/10/2003	Tiền Giang	95	7,88	Khá
10	2122240202	Trần Thị	Hương	Nữ	08/03/2002	Quảng Trị	95	7,98	Khá
11	2122240110	Hoàng Thị	Mai	Nữ	10/11/2001	Đắk Lắk	95	7,88	Khá
Lớp: Tiếng Anh E									
1	2120240214	Phan Trần Diễm	Quỳnh	Nữ	10/01/2002	Khánh Hoà	92	7,28	Khá
2	2121240123	Lê Thị Yến	Chi	Nữ	19/10/2003	Thanh Hoá	95	8,13	Giỏi
3	2121240144	Trần Minh	Khôi	Nam	23/05/2003	Tây Ninh	95	7,84	Khá
4	2122240143	Hoàng Thị Thu	Đào	Nữ	22/02/2002	Bình Thuận	95	7,43	Khá
5	2122240197	Lê Thị Thu	Sương	Nữ	10/06/2004	Hà Tĩnh	95	7,49	Khá
Lớp: Tiếng Anh F									
1	2121240159	Lê Như	Hào	Nữ	09/09/2003	Kiên Giang	95	7,80	Khá
2	2121240154	Kon Sơ K	Lan	Nữ	13/09/2000	Lâm Đồng	95	6,75	Khá
3	2121240151	Bùi Nhật Mai	Linh	Nữ	09/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	8,22	Giỏi
4	2121240163	Điền Thành	Long	Nam	05/10/2000	Bình Phước	95	7,21	Khá
5	2121240153	Bùi Nhật Mai	Ly	Nữ	09/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	8,54	Giỏi
6	2122240175	Là Thị Thu	Hà	Nữ	19/01/2004	Đồng Nai	95	7,14	Khá
7	2122240182	Thân Ngọc	Hân	Nữ	08/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,63	Khá
8	2122240190	Lê Hoàng	Như	Nữ	20/12/2004	Tp. Hồ Chí Minh	96	8,09	Giỏi
9	2122240192	Nguyễn Thị Mỹ	Nương	Nữ	11/03/2004	Bình Định	95	7,93	Khá
Lớp: Tiếng Anh G									
1	2119240179	Nguyễn Thị Trà	Mi	Nữ	03/12/2001	Phú Yên	92	7,45	Khá
Lớp: Tiếng Anh H									
1	2119240203	Lê Thị Kiều	Duyên	Nữ	20/04/2001	Bình Phước	92	6,88	Khá
2	2119240221	Lê Quách Phương	Thanh	Nữ	08/03/2001	Tp. Hồ Chí Minh	92	7,28	Khá
3	2119240229	Vũ Thị	Vân	Nữ	27/09/2001	Thái Bình	92	6,98	Khá
Lớp: Tiếng Anh J									
1	2119240287	Phan Ngọc	Tú	Nữ	23/04/2001	Đồng Nai	92	6,99	Khá

Danh sách có 1217 sinh viên

u